

TRẦN ĐĂNG NGHĨA (Chủ biên)
CHU THỊ LÝ – TẠ MINH NGUYỆT

36 đề ôn luyện NGỮ VĂN 6

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách giáo dục phổ thông là đổi mới phương pháp dạy – học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học sinh (HS); và đổi mới kiểm tra – đánh giá, nhất là hoạt động tự học, tự kiểm tra của người học là một trong những mắt xích góp phần hoàn thành mục đích ấy. Nó không những cho biết kết quả mà còn giúp HS điều chỉnh nội dung, phương pháp và khả năng tự học tập của chính mình. Để giúp HS THCS có một tài liệu ôn tập tốt, tạo động lực cho việc học môn Ngữ văn đạt kết quả cao hơn, ngoài những đòi hỏi khác, nhất thiết các em phải nắm chắc những kiến thức cơ bản, then chốt về thể loại, về tác giả, tác phẩm, về từ ngữ, ngữ pháp,... và có kỹ năng viết đoạn văn, bài văn cũng như tạo lập văn bản nói chung. Xuất phát từ thực tế đó, căn cứ vào khung chương trình và khung thời gian của năm học, chúng tôi biên soạn bộ sách *36 đề ôn luyện Ngữ văn THCS* (gồm bốn cuốn ở các lớp 6, 7, 8 và 9) như một tài liệu tham khảo thêm cho các em HS, thầy (cô) giáo và các bậc phụ huynh. Mỗi cuốn sách gồm ba phần:

Phần một: Đề ôn luyện. Phần này gồm các đề kiểm tra theo tuần. Mỗi tuần học có một đề, làm trong thời gian 45 phút (tuần theo tiến độ) hoặc 90 phút (tuần cuối học kì). Mỗi đề có phần trắc nghiệm và tự luận, nội dung kiểm tra bám sát trọng tâm kiến thức, kỹ năng từng bài / tuần ở ba phân môn Văn học – Tiếng Việt – Tập làm văn, tuân thủ định hướng giảm tải của Bộ Giáo dục và Đào tạo; riêng đề 90 phút sẽ bao gồm kiến thức của cả học kì. Các câu hỏi trắc nghiệm được xây dựng từ kiến thức trọng tâm trong mỗi tuần ở cả ba phân môn; phần câu hỏi tự luận, tùy theo từng dạng kiểm tra (45 phút hay 90 phút) mà có câu hỏi cụ thể ở từng phân môn. Với những bài quy định *Tự học có hướng dẫn*, các tác giả có thể biên soạn một vài câu hỏi trắc nghiệm và một câu tự luận (ít điểm) như một hướng tham khảo về cách thức kiểm tra.

Phần hai: Gợi ý – Đáp án. Phần này cung cấp những đáp án (phần trắc nghiệm) và gợi ý, hướng dẫn cách làm (phần tự luận) trong từng đề theo thứ tự nhằm giúp các em có những định hướng khi tiếp cận để hiểu sâu hơn nội dung bài học, khuyến khích HS tự học, có những lời giải của riêng mình.

Phần ba: Một số bài văn (đoạn văn) của học sinh. Phần này giới thiệu một số bài viết của HS ở các trường THCS. Đối với các bài (đoạn) văn này, chúng tôi tôn trọng ý tưởng của HS và có chú tên người viết.

Như vậy, từ việc rèn luyện làm các dạng câu hỏi, bài tập trong cuốn sách này, HS sẽ nắm được các phương pháp, cách làm đối với mỗi dạng bài tập, từ đó có tâm lí chủ động, tự tin, có thể làm tốt các đề kiểm tra 1 tiết và học kì trong năm học. Hi vọng rằng, cuốn sách sẽ góp phần làm phong phú, đa dạng nguồn tư liệu môn Ngữ văn ở THCS và đáp ứng phần nào nhu cầu tham khảo rộng rãi của các em HS, thầy (cô) giáo và đông đảo phụ huynh.

Các tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

ĐỀ ÔN LUYỆN

ĐỀ 1

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *truyện thuyết*?**
 - A. Là truyện kể về nguồn gốc các vị vua và sự hình thành các triều đại trong lịch sử.
 - B. Là những câu chuyện hoang đường.
 - C. Là truyện kể về những người anh hùng trong lịch sử dân tộc.
 - D. Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.
- 2. Yếu tố cốt lõi của truyện thuyết là gì?**
 - A. Yếu tố lịch sử
 - B. Yếu tố thể sự
 - C. Yếu tố kì ảo
 - D. Yếu tố gây cười
- 3. Dòng nào **không** nói về đặc điểm chủ yếu của truyện thuyết?**
 - A. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với nhân vật và sự kiện lịch sử
 - B. Kể về sự việc và nhân vật có liên quan đến lịch sử thời quá khứ
 - C. Loại truyện dân gian có yếu tố tưởng tượng kì ảo
 - D. Thể hiện niềm tin và ước mơ của nhân dân vào sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác

4. Tác dụng của yếu tố kì ảo trong truyền thuyết là gì?
 - A. Làm tăng tính lí kì của truyện
 - B. Tăng sức hấp dẫn đối với người đọc
 - C. Tô đậm yếu tố phi thường của nhân vật, sự kiện
 - D. Cả A, B và C
5. Nhân vật Lang Liêu gắn với lĩnh vực hoạt động nào của người Việt xưa trong buổi đầu dựng nước?
 - A. Đấu tranh chống giặc ngoại xâm
 - B. Đấu tranh, chinh phục thiên nhiên
 - C. Đấu tranh, bảo vệ vương triều
 - D. Lao động sản xuất và sáng tạo văn hoá
6. Dòng nào **không** phải là ý nghĩa của truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*?
 - A. Giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy
 - B. Khẳng định sức mạnh đoàn kết chiến thắng thiên tai
 - C. Đề cao nghề nông
 - D. Thể hiện sự thờ kính Trời Đất, tổ tiên của nhân dân ta
7. Từ phức là gì?
 - A. Là từ chỉ gồm một tiếng
 - B. Là từ chỉ gồm hai tiếng
 - C. Là từ gồm hai hoặc nhiều tiếng
 - D. Là từ gồm một hoặc hai tiếng
8. Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy* thuộc kiểu văn bản nào?
 - A. Tự sự
 - B. Miêu tả
 - C. Biểu cảm
 - D. Thuyết minh

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Thế nào là chi tiết tưởng tượng kì ảo? Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết kì ảo trong truyện *Bánh chưng, bánh giầy*.

2. (5 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Lang Liêu trong truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*.

ĐỀ 2

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- Dòng nào nêu cách hiểu đúng về nhân vật Thánh Gióng?
 - Thánh Gióng là nhân vật có thật trong lịch sử.
 - Thánh Gióng thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.
 - Thánh Gióng là nhân vật tưởng tượng được xây dựng trên cơ sở thực tế lịch sử, thể hiện lòng yêu nước, tinh thần quật khởi của nhân dân.
 - Thánh Gióng là nhân vật tưởng tượng, thể hiện niềm tin về công lí xã hội và tư tưởng nhân đạo của nhân dân.
- Nhân vật chính trong truyện *Thánh Gióng* là:
 - bà mẹ Gióng
 - sứ giả
 - Gióng
 - nhà vua
- Nhận xét nào **không** phải là ý nghĩa của chi tiết: “Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đánh giặc cứu nước”?
 - Ca ngợi ý thức đánh giặc cứu nước
 - Chi tiết tưởng tượng nhằm tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện
 - Ý thức đánh giặc cứu nước tạo cho người anh hùng những khả năng, hành động khác thường, thần kì
 - Ý thức trách nhiệm với đất nước được đặt lên hàng đầu
- Vì sao *Thánh Gióng* lại được xếp vào thể loại truyền thuyết?
 - Vì đó là loại truyện dân gian được truyền miệng từ đời này qua đời khác.

- B. Vì truyện kể về các vị thần.
 - C. Vì truyện có nhiều yếu tố kì ảo hoang đường.
 - D. Vì đó là câu chuyện dân gian có liên quan đến sự thật lịch sử.
5. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là:
- A. từ mượn tiếng Anh.
 - B. từ mượn tiếng Pháp.
 - C. từ mượn tiếng Nga.
 - D. từ mượn tiếng Hán.
6. Từ nào là từ thuần Việt?
- A. *Giang sơn*
 - B. *Núi non*
 - C. *Xà phòng*
 - D. *Ti vi*
7. Dòng nào nêu cách hiểu đúng nhất về phương thức tự sự?
- A. Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc
 - B. Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc và nêu ý nghĩa của các sự việc đó
 - C. Là phương thức trình bày diễn biến và ý nghĩa của các sự việc
 - D. Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa
8. Dòng nào nêu **không** đúng về tác dụng của tự sự?
- A. Giúp người kể giải thích sự việc
 - B. Giúp người kể tìm hiểu con người
 - C. Giúp người kể trình bày một chuỗi các sự việc không theo trình tự
 - B. Giúp người kể nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen, chê

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Chi tiết Gióng (trong truyền thuyết *Thánh Gióng*) lớn nhanh như thổi, vươn vai biến thành tráng sĩ có ý nghĩa gì?

2. (5 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) nêu ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng.

ĐỀ 3

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Nhân vật chính trong truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là ai?
 - A. Sơn Tinh
 - B. Thủy Tinh
 - C. Vua Hùng và Mị Nương
 - D. Sơn Tinh và Thủy Tinh
2. Câu: “Gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về” dùng để nói về nhân vật nào?
 - A. Sơn Tinh
 - B. Thủy Tinh
 - C. Vua Hùng
 - D. Mị Nương
3. Nhân vật Sơn Tinh tượng trưng cho điều gì?
 - A. Ý chí và quyết tâm chống giặc ngoại xâm
 - B. Ý chí và mong muốn chế ngự thiên tai, bão lụt
 - C. Khát vọng dựng nước và giữ nước
 - D. Sức mạnh, sáng tạo trong lao động
4. Nhân vật Thủy Tinh tượng trưng cho:
 - A. sức mạnh chế ngự thiên tai, bão lụt của con người.
 - B. công cuộc đắp đê chống lụt của cư dân Việt cổ.
 - C. hiện tượng mưa to, bão lụt hàng năm, có sức tàn phá lớn đến cuộc sống con người.
 - D. ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân.

5. Nội dung nổi bật nhất của truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là gì?
- A. Chiến tranh giữa các bộ tộc để tranh chấp đất đai
 - B. Chiến tranh giữa các bộ tộc để tranh chấp nguồn nước
 - C. Công cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên
 - D. Hiện tượng lũ lụt hằng năm
6. Nghĩa của từ là gì?
- A. Là sự vật mà từ biểu thị
 - B. Là hoạt động, quan hệ mà từ biểu thị
 - C. Là sự vật, tính chất mà từ biểu thị
 - D. Là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị
7. Dòng nào nêu **không** đúng cách giải thích nghĩa của từ?
- A. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị
 - B. Đưa ra những từ đồng nghĩa với từ cần giải thích
 - C. Đưa ra những từ trái nghĩa với từ cần giải thích
 - D. Nêu cấu tạo về mặt hình thức của từ
8. Nhân vật trong văn tự sự **không** được thể hiện qua những yếu tố nào?
- A. Tên gọi, lai lịch
 - B. Tính nết, tài năng
 - C. Thời gian, địa điểm
 - D. Trang phục, hành động

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

Có ý kiến cho rằng khi kén rể, vua Hùng đã có ý “thiên vị” Sơn Tinh (truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*). Theo em, ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

2. (6 điểm)

Qua truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, nhân dân đã có thái độ và cách đánh giá như thế nào đối với các nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh, vua Hùng?

ĐỀ 4

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* ra đời vào thời điểm lịch sử nào?
 - A. Trước khi quân Minh xâm lược nước ta (1407)
 - B. Trong thời kì kháng chiến chống giặc Minh (1407 – 1427)
 - C. Sau khi chiến thắng quân Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn
 - D. Sau khi Lê Lợi dời đô từ Tây Đô về kinh thành Thăng Long
2. Dòng nào nêu đúng chủ đề của truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*?
 - A. Thể hiện lòng căm thù giặc và niềm tự hào dân tộc
 - B. Ca ngợi chiến thắng vẻ vang của nghĩa quân Lam Sơn
 - C. Giải thích nguồn gốc các sự kiện có liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn, đồng thời thể hiện lòng tự tôn dân tộc
 - D. Phản ánh, giải thích những sự kiện lịch sử liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đồng thời thể hiện lòng tự hào dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Minh
3. Dòng nào nêu **không** đúng ý nghĩa của truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*?
 - A. Ca ngợi tính chất nhân dân và chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn
 - B. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê
 - C. Tố cáo tội ác của quân xâm lược nhà Minh
 - D. Giải thích nguồn gốc tên gọi hồ Hoàn Kiếm
4. Cách Long Quân cho mượn gươm (lưỡi gươm mượn dưới nước – vùng sông biển, chuôi gươm mượn trên ngọn cây – vùng rừng núi) có ý nghĩa gì?
 - A. Khả năng cứu nước có ở khắp nơi
 - B. Việc tìm vũ khí là vô cùng khó khăn
 - C. Đề cao vai trò của những người giúp Lê Lợi đánh tan quân xâm lược
 - D. Thêm tình tiết cho câu chuyện hấp dẫn

5. Chủ đề của văn bản là gì?
- A. Là tư tưởng chính được người viết nêu ra trong văn bản.
 - B. Là vấn đề quan trọng trong văn bản.
 - C. Là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong văn bản.
 - D. Là nội dung cần được làm sáng tỏ trong văn bản.
6. Lập dàn ý của bài văn tự sự là:
- A. xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của đề.
 - B. xác định nhân vật, sự việc của câu chuyện.
 - C. xác định diễn biến, ý nghĩa của câu chuyện.
 - D. sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.
7. Phần mở bài của bài văn tự sự có chức năng gì?
- A. Kể diễn biến của sự việc
 - B. Giới thiệu chung về sự việc
 - C. Kể kết cục của sự việc
 - D. Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc
8. Dòng nào nêu **không** chính xác về thao tác lập ý khi làm bài văn tự sự?
- A. Xác định nhân vật, sự việc
 - B. Xác định diễn biến, kết quả
 - C. Xác định thời gian, không gian
 - D. Xác định ý nghĩa của câu chuyện

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Hình ảnh Rùa Vàng trong truyền thuyết Việt Nam nói chung và trong *Sự tích Hồ Gươm* nói riêng có ý nghĩa gì?

2. (5 điểm)

Lập dàn ý chi tiết cho văn bản *Sự tích Hồ Gươm*.

ĐỀ 5

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ là gì?
 - A. Là hiện tượng tạo ra những nghĩa mới của từ
 - B. Là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ
 - C. Là hiện tượng dùng nghĩa gốc của từ
 - D. Là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa
2. Dòng nào nêu chưa chính xác về nghĩa gốc của từ?
 - A. Là nghĩa xuất hiện từ đầu
 - B. Là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa chuyển
 - C. Là cơ sở hình thành nghĩa chuyển
 - D. Là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác
3. Dòng nào chỉ chứa những từ nhiều nghĩa?
 - A. Khoai tây, cà rốt, rau muống, rau cần
 - B. Trường học, bệnh viện, sách giáo khoa, học tập
 - C. Tổ quốc, quốc gia, độc lập, đất nước
 - D. Ăn, đi, chân, tay
4. Nhận xét nào đúng về từ nhiều nghĩa?
 - A. Từ chỉ có một nghĩa
 - B. Từ có hai nghĩa
 - C. Từ có thể có hai nghĩa hay nhiều nghĩa
 - D. Từ nào cũng có nhiều nghĩa
5. Dòng nào nêu đúng nhất nội dung của lời văn kể người?
 - A. Là lời giới thiệu về phẩm chất, ý nghĩa của nhân vật
 - B. Là lời kể về tính tình, tài năng của nhân vật
 - C. Là lời kể về quan hệ và ý nghĩa của nhân vật
 - D. Là lời giới thiệu về tên, họ, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, ý nghĩa của nhân vật

6. Dòng nào nêu **không** đúng nội dung của lời văn kể việc?

- A. Kể về các hành động, việc làm của nhân vật
- B. Kể về quan hệ của các nhân vật
- C. Kể về kết quả việc làm, hành động của nhân vật
- D. Kể về sự đổi thay do các hành động ấy đem lại

7. Câu chủ đề của đoạn văn có vai trò như thế nào?

- A. Dẫn đến ý chính
- B. Giải thích cho ý chính
- C. Làm nổi bật ý chính
- D. Là ý chính

8. Chỉ ra câu chủ đề trong đoạn văn sau:

... (1) *Sơn Tinh không hề nao núng.* (2) *Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ.* (3) *Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.* (4) *Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt.* (5) *Thần Nước đành rút quân.*

(Theo *Sơn Tinh, Thủy Tinh*)

- | | |
|------------|------------|
| A. Câu (1) | B. Câu (2) |
| C. Câu (4) | D. Câu (5) |

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Xác định lời văn kể người và kể việc trong đoạn trích sau:

(1) *Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người đánh cá tên là Lê Thận.* (2) *Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ.* (3) *Khi kéo lưới lên, thấy nặng nặng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to.* (4) *Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt.* (5) *Chàng vớt luôn thanh sắt xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.*

(Theo *Sự tích Hồ Gươm*)

2. (5 điểm)

Bụi tre đặng ngà ở làng Gióng (trong truyền thuyết *Thánh Gióng*) đã chứng kiến hình ảnh chú bé Gióng trở thành người anh hùng đánh tan giặc Ân rồi về trời. Thay lời bụi tre kể lại (khoảng một trang giấy) những sự việc đó.

ĐỀ 6

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu cách hiểu **không** đúng về truyện cổ tích?
 - A. Loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc.
 - B. Truyện thường có yếu tố hoang đường.
 - C. Truyện thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật lịch sử.
 - D. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện với cái ác, cái tốt với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.
2. Nhân vật bất hạnh, nhân vật dưng sĩ, nhân vật có tài năng kì lạ là kiểu nhân vật của thể loại nào?
 - A. Truyền thuyết
 - B. Thần thoại
 - C. Cổ tích
 - D. Truyện cười
3. Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?
 - A. Nhân vật thông minh
 - B. Nhân vật dưng sĩ
 - C. Nhân vật ngốc nghếch
 - D. Nhân vật có hình dạng xấu xí
4. Phẩm chất nào **không** bộc lộ ở nhân vật Thạch Sanh?
 - A. Thật thà, chất phác

- B. Ham học hỏi
- C. Dũng cảm, tài năng
- D. Nhân đạo, yêu hoà bình

5. Truyện *Thạch Sanh* thể hiện mơ ước gì của nhân dân ta?

- A. Niềm tin về sức mạnh chế ngự thiên nhiên
- B. Ước mơ tìm được người tài giỏi cứu nước
- C. Ước mơ chiến thắng mọi thế lực ngoại xâm
- D. Niềm tin về đạo đức, ước mơ về công lí xã hội, ước mơ về cuộc sống hoà bình

6. Ước mơ lớn nhất của nhân dân lao động về công bằng xã hội được thể hiện ở những chi tiết nào trong truyện *Thạch Sanh*?

- A. Thạch Sanh diệt trừ được chằn tinh
- B. Thạch Sanh được vua Thủy Tề tặng cây đàn
- C. Thạch Sanh cứu được công chúa khỏi nanh vuốt đại bàng
- D. Thạch Sanh được lấy công chúa và được lên làm vua

7. Các câu văn trong đoạn văn sau mắc lỗi nào trong việc dùng từ?

Truyện "Thạch Sanh" là truyện cổ tích về người dũng sĩ. Người dũng sĩ đã diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại. Người dũng sĩ còn vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và đánh tan quân xâm lược. Truyện "Thạch Sanh" thể hiện niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội. Chúng em rất thích truyện "Thạch Sanh".

- A. Lập từ
- B. Lẫn lộn các từ gần âm
- C. Dùng từ không đúng nghĩa
- D. Dùng từ sai chính tả

8. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau: "Các buổi lễ kết nạp đội viên được tổ chức rất /.../".

- A. quan trọng
- B. long trọng
- C. nghiêm trọng
- D. trang trọng

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Trong truyện *Thạch Sanh*, ước mơ về cái thiện chiến thắng cái ác của nhân dân được thể hiện thông qua những chi tiết nào?

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) trình bày ý nghĩa của chi tiết “tiếng đàn thần” và “niêu cơm thần” trong truyện *Thạch Sanh*.

ĐỀ 7

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Em bé trong truyện *Em bé thông minh* thuộc kiểu nhân vật nào?

- A. Nhân vật bất hạnh
- B. Nhân vật thông minh
- C. Nhân vật có tài năng kì lạ
- D. Nhân vật xấu xí

2. Trong truyện, nhân vật em bé đã mấy lần giải đố?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

3. Viên quan có thái độ như thế nào khi nghe cậu bé đối đáp?

- A. Sùng sốt
- B. Tức giận
- C. Ngạc nhiên
- D. Vui mừng

4. Đây là nội dung câu đố của sứ thần ra với em bé thông minh?

- A. Rèn cái kim thành một con dao
- B. Dọn ba cỗ thức ăn từ một con chim sẻ
- C. Xâu sợi chỉ qua ruột con ốc vặn rất dài
- D. Cho biết ngựa đi một ngày được mấy bước?

5. Em bé đã giải câu đố của viên quan bằng cách nào?
- A. Dựa vào kiến thức em đã được đọc trong sách vở
 - B. Đẩy thế bí về phía người ra câu đố
 - C. Hỏi cha về cách giải đố
 - D. Làm cho người đố tự nói ra những điều phi lí trong câu đố của họ

6. Từ nào trong đoạn trích sau được dùng **không** chính xác?

...Bầu trời ngày càng thêm xanh xao. Những tia nắng vàng rực rỡ len lỏi khắp các cành cây, ngọn cỏ. Vườn cây nhà ông tôi bắt đầu đơm hoa kết trái. Những chùm vải đã bắt đầu nặng trĩu, lủng lẳng trên những cành cây gần như sà xuống đất. Bên cạnh vườn những chùm hoa ngọc lan bắt đầu hé nở, toả ra một mùi hương nồng nàn...

- A. xanh xao
 - B. rực rỡ
 - C. lủng lẳng
 - D. nồng nàn
7. Chọn từ chính xác để điền vào chỗ trống trong câu sau: “Phong cảnh nơi đây đẹp như một bức tranh /.../.”
- A. thủy mặc
 - B. thủy mặc
 - C. thủy mạc
 - D. thủy mặc
8. Phần kết trong đề bài “Kể về gia đình mình” thường có nội dung gì?
- A. Giới thiệu chung về gia đình
 - B. Kể về bố, mẹ, anh, chị, em,...
 - C. Kể về sở thích và công việc hằng ngày
 - D. Kể về tình cảm của em với gia đình

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho biết tác dụng của việc dùng câu đố để thử tài nhân vật trong truyện dân gian.

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa truyện cổ tích *Em bé thông minh*.

ĐỀ 8

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản nào là truyện cổ tích?
 - A. Sự tích Hồ Gươm
 - B. Em bé thông minh
 - C. Thánh Gióng
 - D. Bánh chưng, bánh giầy
2. Dòng nào nêu đúng loại truyện tiêu biểu và đặc sắc nhất của truyện cổ tích?
 - A. Truyện cổ tích về loài vật
 - B. Truyện cổ tích thần kì
 - C. Truyện cổ tích sinh hoạt
 - D. Truyện cổ tích về các vị thần
3. Dòng nào nêu chính xác khái niệm *danh từ*?
 - A. Là những từ chỉ người, vật
 - B. Là những từ chỉ hiện tượng
 - C. Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm,...
 - D. Là những từ chỉ khái niệm
4. Câu: “Nhà nào không có cày, em vẽ cho cày” (truyện *Em bé thông minh*) có mấy danh từ?
 - A. Một
 - B. Hai
 - C. Ba
 - D. Bốn
5. Danh từ thường giữ chức vụ diễn hình nào trong câu?
 - A. Chủ ngữ
 - B. Vị ngữ
 - C. Trạng ngữ
 - D. Thành phần khác
6. Dòng nào nêu đúng hai loại lớn của danh từ?
 - A. Danh từ chỉ người và danh từ chỉ sự vật

- B. Danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật
- C. Danh từ riêng và danh từ chung
- D. Danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ khái niệm

7. Dòng nào có chứa danh từ chỉ đơn vị tự nhiên?

- A. Thấy cái Sọ Dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mía, bà bưng lên uống (Sọ Dừa)
- B. Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng (Sơn Tinh, Thủy Tinh)
- C. Mùa xuân, từng đàn chim bay về phương Nam tránh rét.
- D. Mã Lương thích thú vô cùng. (Cây bút thần)

8. Ý “nêu tình cảm của em đối với gia đình” thường nằm ở phần nào trong dàn ý đề bài: “Em hãy kể về gia đình mình”?

- A. Mở bài
- B. Thân bài
- C. Kết bài
- D. Mở bài và thân bài

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Chỉ ra và phân loại các danh từ trong đoạn trích sau đây thành hai loại: danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật:

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây nhìn xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn hò gặm cỏ.

(Sọ Dừa)

2. (5 điểm)

Theo em, nhân vật em bé (truyện *Em bé thông minh*) và nhân vật Mã Lương (truyện *Cây bút thần*) có nét tương đồng và khác biệt nào? Trình bày ý kiến của em bằng một đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu).

ĐỀ 9

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- Ý nghĩa của truyện *Em bé thông minh* là gì?
 - Phê phán những kẻ ngu dốt, thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội
 - Thể hiện lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta
 - Đề cao giá trị chân chính, khẳng định sức mạnh của con người
 - Đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian, từ đó tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên trong đời sống hàng ngày

- Chỉ ra từ dùng không chính xác trong các câu sau:

Trên nền cỏ xuân non xanh trải ra mênh mông tận chân trời, bàn tay nghệ sĩ tài hoa điểm xiết vào bức tranh xuân một màu trắng hoa lê tinh khôi, tươi tắn: "Cỏ non xanh tận chân trời – Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"
(Nguyễn Du).

- | | |
|--------------|--------------|
| A. mênh mông | B. điểm xiết |
| C. tinh khôi | D. tươi tắn |
- Dòng nào trả lời đúng cho các câu hỏi: Có mấy loại ngôi kể? Đó là những ngôi nào?
 - Một loại: ngôi thứ nhất
 - Hai loại: ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai
 - Hai loại: ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba
 - Ba loại: ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba
 - Dòng nào nêu cách hiểu chưa đúng về ngôi kể thứ nhất?
 - Người kể tự xưng "tôi".
 - Người kể trực tiếp kể ra những điều nhìn thấy, nghe thấy, trải qua.
 - Người kể tự giấu mình đi.
 - Người kể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.

5. Truyện *Em bé thông minh* được kể bằng lời kể của ai?

- A. Nhân vật em bé
- B. Viên quan
- C. Nhà vua
- D. Người kể giấu mặt

6. Đoạn văn sau được kể bằng ngôi kể nào?

Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

(Thạch Sanh)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

7. Cách kể **không** theo thứ tự tự nhiên nhằm mục đích gì?

- A. Để kể các sự việc không theo một trình tự
- B. Để bổ sung các tình tiết ngoài lề làm cho câu chuyện hấp dẫn
- C. Để gây cười khiến người đọc cảm thấy thú vị
- D. Để gây bất ngờ, tạo sự chú ý, thể hiện tình cảm của nhân vật

8. Truyện *Em bé thông minh* được kể theo thứ tự nào?

- A. Các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên
- B. Sự việc sau kể trước, sự việc trước kể sau
- C. Kể sự việc hiện tại trước, sau đó kể bổ sung
- D. Nhân vật hồi tưởng lại sự việc

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Nhân vật Lí Thông (trong truyện *Thạch Sanh*) là người như thế nào? Sự đối lập giữa hai nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông thể hiện thái độ gì của nhân dân ta?

2. (5 điểm)

Nếu kể truyện *Thạch Sanh* bằng ngôi thứ nhất, nên chọn lời nhân vật nào để kể? Vì sao? Hãy kể lại phần đầu của truyện bằng lời của nhân vật đó (từ đầu đến “Chàng vội vã từ già mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc cây đa, kiếm củi nuôi thân”).

ĐỀ 10

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu **không** đúng khái niệm *truyện ngụ ngôn*?

- A. Là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần
- B. Mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người
- C. Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện với cái ác
- D. Nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người bài học nào đó trong cuộc sống

2. Dòng nào nêu đúng nhất mục đích của người sáng tác, sử dụng truyện ngụ ngôn?

- A. Mượn câu chuyện về loài vật để thể hiện điều muốn nói một cách bóng bẩy
- B. Thể hiện điều muốn nói một cách kín đáo, sâu sắc nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học trong cuộc sống
- C. Mượn câu chuyện về đồ vật, nói bóng gió, kín đáo điều muốn nói; tăng sức thuyết phục đối với người nghe
- D. Mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống

3. Con ếch (trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*) sống trong môi trường như thế nào?

- | | |
|----------------------|--------------|
| A. Rộng lớn | B. Chật chội |
| C. Tù túng, chật hẹp | D. Nhỏ bé |

4. Con ếch thấy mình có vị thế như thế nào?
 - A. Như một thủ lĩnh
 - B. Như một chủ nhà
 - C. Như những con vật khác
 - D. Như một vị chúa tể
5. Trong truyện, con ếch gặp tai hoạ là do đâu?
 - A. Chủ quan
 - B. Không hiểu biết
 - C. Hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang, kiêu ngạo
 - D. Không đề phòng
6. Các thầy bói trong truyện *Thầy bói xem voi* đã xem voi bằng cách nào?
 - A. Dùng mắt nhìn
 - B. Dùng tay để sờ
 - C. Hỏi người quản tượng
 - D. Hỏi lẫn nhau
7. Nhận xét của các thầy bói về voi có đúng không?
 - A. Đúng hoàn toàn
 - B. Sai hoàn toàn
 - C. Đúng từng bộ phận
 - D. Có bộ phận sai, bộ phận đúng
8. Việc các thầy bói đều dùng từ láy và hình thức ví von để tả con voi có tác dụng gì?
 - A. Làm cho người quản tượng hài lòng về con voi của mình
 - B. Để nhấn mạnh ý kiến của các thầy bói khác
 - C. Để nêu lên cách miêu tả một con voi
 - D. Làm cho câu chuyện thêm sinh động, tô đậm sai lầm về cách xem voi và cách phán về voi

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Nêu bài học mà người xưa muốn gửi gắm qua truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.

2. (5 điểm)

Theo em, các bài học trong hai truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi* có điểm nào chung và điểm nào khác biệt?

ĐỀ 11

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Tính chất nổi bật của truyện ngụ ngôn là gì?
 - A. Gắn với lịch sử thời quá khứ
 - B. Tưởng tượng, kì ảo
 - C. Gắn với hiện thực
 - D. Lãng mạn, bay bổng
2. Vì sao ếch (trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*) tưởng “bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể”?
 - A. Vì ếch sống lâu trong giếng, xung quanh có vài con vật bé nhỏ; tiếng kêu của nó làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ
 - B. Vì ếch không chịu nghe lời khuyên của các con vật xung quanh
 - C. Vì ếch nhâng nháo nhìn lên bầu trời, chẳng để ý đến xung quanh
 - D. Vì ếch mãi nhìn bầu trời, không trông thấy con trâu sắp đi qua
3. Truyện *Thầy bói xem voi* cho ta bài học gì?
 - A. Muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện
 - B. Khi xem xét một sự vật nên có sự xem xét riêng lẻ từng bộ phận
 - C. Cần phải bảo vệ nhận xét của mình đến cùng
 - D. Cần có sự trao đổi, tranh luận để đi đến một thống nhất chung
4. Tên người, tên địa lí Việt Nam được viết hoa như thế nào?
 - A. Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng
 - B. Viết hoa toàn bộ chữ cái từng tiếng
 - C. Không viết hoa tên đệm của người
 - D. Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ

5. Tên riêng của các cơ quan, tổ chức, các giải thưởng, danh hiệu được viết hoa như thế nào?
- Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng
 - Chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của tên tổ chức, cơ quan, giải thưởng
 - Viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ
 - Cần phải được viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận và có gạch nối giữa các tiếng
6. Dòng nào nêu chính xác nhất cách hiểu về danh từ chung?
- Là tên gọi riêng từng người
 - Là tên gọi riêng từng địa phương
 - Là tên gọi một loại sự vật
 - Là tên gọi riêng từng vật
7. Dòng nào nêu chính xác nhất cách hiểu về danh từ riêng?
- Là tên riêng của từng người
 - Là tên riêng của từng vật
 - Là tên riêng của từng địa phương
 - Là tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương,...
8. Bài ca dao sau có mấy danh từ riêng cần viết hoa?

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn võ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả làn sương,
Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ.*

- | | |
|--------|--------|
| A. Một | B. Hai |
| C. Ba | D. Bốn |

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày, em có gặp hiện tượng nào ứng với thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* không? Hãy liên hệ.

2. (5 điểm)

Viết một bài văn (khoảng một trang giấy) kể về một người thân mà em yêu quý.

ĐỀ 12

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Truyện nào không phải là truyện ngụ ngôn?
 - A.Ếch ngồi đáy giếng
 - B. Thấy bói xem voi
 - C. Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng
 - D. Em bé thông minh
2. Dòng nào trả lời đúng nhất truyện *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* cho chúng ta bài học gì?
 - A. Mỗi bộ phận trong cơ thể đều có vai trò quan trọng như nhau.
 - B. Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải gắn bó với nhau để cùng tồn tại, do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.
 - C. Không nên so bì, tị nạnh lẫn nhau.
 - D. Trong cuộc sống, mỗi người cần phải biết nhường nhịn và chia sẻ với nhau, không nên so bì với nhau.
3. Dòng nào trả lời đúng nhất cho câu hỏi: “Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai so bì với lão Miệng?”?
 - A. Vì lão Miệng chẳng biết làm gì cả.
 - B. Vì lão Miệng không hoạt động nên cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đều cảm thấy mệt mỏi.
 - C. Vì cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đều muốn nghỉ ngơi.
 - D. Vì cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai cho rằng, họ làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không.
4. Nhân vật nào đầu tiên nêu ra ý kiến: “Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không?”?
 - A. Cậu Tay
 - B. Cô Mắt
 - C. Bác Tai
 - D. Cậu Chân

5. Dòng nào nêu đúng mô hình cấu trúc của cụm danh từ?
- A. Là loại tổ hợp danh từ có mô hình cấu trúc phức tạp hơn danh từ
 - B. Có mô hình cấu trúc gồm hai phần: phần trước, phần trung tâm
 - C. Có mô hình cấu trúc gồm hai phần: phần trung tâm, phần sau
 - D. Là loại tổ hợp danh từ có cấu trúc gồm ba phần: phần trước, phần trung tâm, phần sau
6. Cụm danh từ nào có đủ cấu trúc ba phần?
- A. *Một lưỡi búa*
 - B. *Tất cả các em học sinh chăm ngoan ấy*
 - C. *Con yêu tinh trên núi*
 - D. *Làng ấy*
7. Những yếu tố nào **không** cần thiết cho bài văn kể về một nhân vật trong kiểu bài kể chuyện đời thường?
- A. Giới thiệu chung về nhân vật
 - B. Kể được một vài đặc điểm về tính tình, ý thích của nhân vật
 - C. Kể được một vài hành động, lời nói đáng nhớ của nhân vật
 - D. Kể được những tình tiết, diễn biến bất ngờ
8. Ý nào thích hợp nhất cho phần kết bài khi viết bài văn kể chuyện về mẹ của em?
- A. Giới thiệu chung về người mẹ của em
 - B. Kể về một vài đặc điểm về tính nết, ý thích của mẹ em
 - C. Kể được một vài hành động, lời nói đáng nhớ của mẹ em
 - D. Nêu tình cảm, ý nghĩ của em đối với mẹ

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho đoạn văn sau:

Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả

giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ.Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

(Ếch ngồi đáy giếng)

Xác định các cụm danh từ trong đoạn văn trên và điền các cụm danh từ đã tìm được vào mô hình cụm danh từ theo bảng sau:

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t2	t1	T1	T2	s1	s2

2. (5 điểm)

Kể về một người bạn mà em mới quen (do cùng hoạt động văn nghệ, thể thao mà quen,...)

ĐỀ 13

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *truyện cười*?

- A. Là loại truyện kể về loài vật, đồ vật, con người để nói bóng gió kín đáo chuyện con người
- B. Là loại truyện kể về các nhân vật bất hạnh
- C. Là loại truyện kể về các nhân vật và sự kiện lịch sử thời quá khứ
- D. Là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội

2. Dòng nào nêu đúng mục đích của truyện cười?

- A. Thể hiện cách đánh giá của nhân dân về các nhân vật và sự kiện được kể
- B. Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân ta về sự chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác

- C. Khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống
- D. Tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội
3. Ý nghĩa của truyện *Treo biển* là gì?
- A. Khuyên người ta khi làm việc gì không nên có sự thay đổi
- B. Trong cuộc sống không nên nghe sự góp ý của người khác
- C. Phê phán những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe ý kiến của người khác
- D. Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huênh hoang
4. Trong truyện *Treo biển*, khi nào cái đáng cười được bộc lộ rõ nhất?
- A. Khi nhà hàng cất nốt cái biển
- B. Khi nhà hàng treo biển
- C. Khi nhà hàng bỏ hai chữ “ở đây” đi
- D. Khi nhà hàng bỏ chữ “có bán” đi
5. Ý nghĩa của truyện *Lợn cưới, áo mới* là:
- A. phê phán những kẻ làm việc thiếu chủ kiến.
- B. phê phán những kẻ kiêu căng lúc nào cũng cho mình là nhất thiên hạ.
- C. phê phán những người có tính hay khoe của.
- D. nhắc nhở người ta khi giao tiếp cần phải nói đúng vào nội dung tránh dùng thừa từ.
6. Dòng nào nêu đúng cách hiểu về *số từ*?
- A. Là những từ chỉ sự vật, hiện tượng, khái niệm
- B. Là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của con người
- C. Là những từ chuyên đi kèm với động từ hoặc tính từ
- D. Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật
7. Dòng nào dưới đây **không** chứa lượng từ?
- A. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời. (Sơn Tinh, Thủy Tinh)
- B. Một trăm ván cơm nếp (Sơn Tinh, Thủy Tinh)

C. Các hoàng tử phải cởi áo giáp xin hàng. (Thạch Sanh)

D. Những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. (Con Rồng cháu Tiên)

8. Nội dung nào **không** có trong cách hiểu về *truyện tưởng tượng*?

A. Truyện được nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của người kể.

B. Các chi tiết tưởng tượng phải thật hoang đường, kì ảo thì mới hấp dẫn.

C. Truyện tuy không có thực nhưng nhằm thể hiện một ý nghĩa nào đó.

D. Truyện được kể một phần dựa trên những điều có thật rồi tưởng tượng thêm.

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Điểm giống và khác nhau giữa truyện thuyết và truyện cổ tích; truyện cười và truyện ngụ ngôn.

2. (5 điểm)

Tại điểm trông xe có ba phương tiện giao thông: xe đạp, xe máy và ô tô. Chúng cãi nhau, so bì hơn thua kịch liệt. Hãy tưởng tượng em nghe thấy cuộc tranh cãi đó và sẽ dàn xếp như thế nào.

ĐỀ 14

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời **đúng**. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Điểm khác nhau nổi bật giữa *truyện thuyết* và *truyện cổ tích* là gì?

A. Là loại truyện dân gian

B. Có yếu tố tưởng tượng, kì ảo

C. Có cốt lõi liên quan đến lịch sử thời quá khứ

D. Thể hiện thái độ của nhân dân đối với câu chuyện được kể

2. Truyện cười và truyện ngụ ngôn có chung đặc điểm nghệ thuật nào?
 - A. Nhân vật chính là vật thường được nhân hoá
 - B. Sử dụng tiếng cười
 - C. Ngắn gọn hơn các loại truyện khác
 - D. Dễ nhớ, dễ thuộc
3. Các truyện *Thạch Sanh*, *Em bé thông minh* thuộc thể loại nào?
 - A. Truyện ngụ ngôn
 - B. Truyện cười
 - C. Truyện cổ tích
 - D. Truyện truyền thuyết
4. Dòng nào nêu nhóm truyện **không** cùng thể loại với nhau?
 - A. *Bánh chưng, bánh giầy; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh*
 - B. *Thầy bói xem voi;Ếch ngồi đáy giếng; Treo biển*
 - C. *Cây bút thần; Em bé thông minh; Thạch Sanh*
 - D. *Sự tích Hồ Gươm; Em bé thông minh; Thánh Gióng*
5. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *chỉ từ*?
 - A. Là các từ dùng để trỏ sự vật ở thời điểm phát ngôn
 - B. Là các từ dùng để trỏ sự vật trong khoảng cách gần với người phát ngôn
 - C. Là các từ dùng để trỏ sự vật trong thời gian và không gian
 - D. Là các từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian và thời gian
6. Vị trí của chỉ từ trong cụm danh từ thuộc phần nào?
 - A. Phần sau danh từ
 - B. Phần liền kề trước danh từ
 - C. Phần trước danh từ
 - D. Phần trung tâm
7. Câu ca dao sau đây có mấy chỉ từ?

*Đấy vàng, đây cũng đồng đen,
Đấy hoa thiên lí, đây sen Tây Hồ.*

- | | |
|--------|--------|
| A. Hai | B. Ba |
| C. Bốn | D. Năm |

8. Dòng nào đúng với cách kể chuyện tưởng tượng?
- A. Dựa vào một câu chuyện cổ tích rồi kể lại
 - B. Kể lại một câu chuyện đã học trong sách vở
 - C. Kể lại một câu chuyện có thật trong thực tế
 - D. Kể lại một câu chuyện được nghĩ ra bằng trí tưởng tượng, không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế nhưng có một ý nghĩa nào đó

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Ghi lại (khoảng 3 – 4 câu) những bài học cho bản thân sau khi đã học xong các truyện *Ếch ngồi đáy giếng*; *Thầy bói xem voi*; *Chán, Tay, Tai, Mắt, Miệng*.

2. (5 điểm)

Trong bài thơ *Truyện cổ nước mình*, nhà thơ Lâm Thị Mĩ Dạ có viết:

*Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa.*

Bằng một bài văn ngắn (khoảng một trang giấy), hãy nêu cảm nhận của em về “điều nhân hậu” và “tuyệt vời sâu xa” mà ông cha ta muốn gửi gắm qua một số truyện cổ tích em đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 6.

ĐỀ 15

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu **không** đúng đặc điểm của truyện trung đại?
- A. Đó là những truyện được viết trong thời trung đại (thường được tính từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX).
 - B. Đó là những câu chuyện chỉ được truyền miệng trong dân gian.
 - C. Đó là những truyện mang tính chất giáo huấn.
 - D. Đó là những truyện mà cách viết hầu hết còn đơn giản.

2. Truyện *Con hổ có nghĩa* thuộc thể loại truyện nào?
 - A. Truyện cổ tích
 - B. Truyện ngụ ngôn
 - C. Truyện trung đại
 - D. Truyện truyền thuyết
3. Ý nghĩa sâu xa của truyện *Con hổ có nghĩa* là gì?
 - A. Đề cao sự thủy chung giữa người với người
 - B. Đề cao cái nghĩa và khuyên con người luôn biết trọng ân nghĩa
 - C. Khuyên chúng ta phải biết yêu quý và bảo vệ loài vật
 - D. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp giữa loài vật và con người
4. Dòng nào nêu đúng chi tiết cho thấy cái nghĩa của con hổ thứ hai?
 - A. Hổ tặng bác một cục bạc, nhờ có số bạc ấy mà bác sống qua năm mất mùa, đói kém
 - B. Hổ dẫn đường, đưa bác ra khỏi rừng
 - C. Hổ cúi đầu vẫy đuôi, tiễn bác ra khỏi rừng, sau khi bác đi khá xa, hổ gầm lên một tiếng rồi bỏ đi
 - D. Hổ mang thú vật bắt được đến nhà bác tiêu, khi bác chết, hổ đến bên mộ bác gầm lên, hổ nhớ ngày giỗ của bác
5. Dòng nào nêu **không** đúng đặc điểm của động từ?
 - A. Thường làm vị ngữ trong câu
 - B. Có khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng,...*
 - C. Không có khả năng kết hợp với *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn,...* khi làm chủ ngữ
 - D. Thường làm chủ ngữ trong câu
6. Các câu hỏi mà động từ thường trả lời là:
 - A. Làm sao? Thế nào? Làm gì?
 - B. Con gì? Cái gì? Ai?
 - C. Ở đâu?
 - D. Lúc nào?
7. Dòng nào nêu đúng đặc điểm của cụm động từ?
 - A. Hoạt động trong câu không như một động từ

- B. Có trung tâm là một danh từ và các từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành
- C. Có ý nghĩa đầy đủ hơn và cấu trúc phức tạp hơn động từ
- D. Thường làm chủ ngữ trong câu

8. Dòng nào có chứa cụm động từ?

- A. *Em bé còn đang đùa nghịch ở sau nhà. (Theo Em bé thông minh)*
- B. *Ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực (Em bé thông minh)*
- C. *Một trăm ván cơm nếp, một trăm nếp bánh chưng (Sơn Tinh, Thủy Tinh)*
- D. *Một túp lều nát trên bờ biển (Theo Ông lão đánh cá và con cá vàng)*

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Mỗi câu chuyện trong *Con hổ có nghĩa* có cốt truyện được triển khai thành mấy phần? Nhận xét về cách triển khai cốt truyện đó.

2. (5 điểm)

Đóng vai bà đỡ Trần (trong truyện *Con hổ có nghĩa*), để kể lại câu chuyện thứ nhất (khoảng 10 – 12 câu)

ĐỀ 16

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Vị Thái y lệnh họ Phạm (trong truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*) đã xử lý thế nào khi cùng một lúc có hai bệnh nhân cần ngài?
 - A. Đến ngay vương phủ chữa bệnh cho bậc quý nhân
 - B. Gửi thuốc cho người nhà bệnh nhân (người đàn bà) mang về và đến ngay vương phủ chữa bệnh cho bậc quý nhân
 - C. Đến chữa trước cho người đàn bà tính mạng đang nguy kịch
 - D. Hỏi quan Trung sứ nên đến chữa cho ai trước

2. Trước cách cư xử của Thái y lệnh họ Phạm, thái độ của vua Trần Anh Vương diễn biến như thế nào?
 - A. Trước là quở trách, sau vui mừng và ngợi khen
 - B. Trước là quở trách, sau bắt tội
 - C. Lúc đầu nổi giận, sau đó trách phạt
 - D. Vui mừng và coi như không biết chuyện gì
3. Dòng nào chỉ đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu?
 - A. Tiếng
 - B. Cụm từ
 - C. Ngữ
 - D. Từ
4. Dòng nào chỉ đúng đặc điểm của số từ?
 - A. Lượng ít hay nhiều
 - B. Chỉ số lượng và thứ tự sự vật
 - C. Chỉ tập hợp, phân phối
 - D. Chỉ toàn thể
5. Từ “chân” trong kết hợp nào là từ có nghĩa gốc ?
 - A. *Chân mèo*
 - B. *Chân bàn*
 - C. *Chân tường*
 - D. *Chân núi*
6. Từ nào là từ ghép ?
 - A. *Sách vở*
 - B. *Chăm chỉ*
 - C. *Sung sướng*
 - D. *Ngào ngạt*
7. Dòng nào là từ láy?
 - A. *Hoa hồng*
 - B. *Bóng bàn*
 - C. *Hồng hào*
 - D. *Đông đặc*
8. Dòng nào có cụm tính từ?
 - A. *Nó (con ếch) thì oai như một vị chúa tể. (TheoẾch ngồi đáy giếng)*
 - B. *Ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi. (Ông lão đánh cá và con cá vàng)*
 - C. *Viên quan ấy đã đi nhiều nơi. (Em bé thông minh)*
 - D. *Nghe tiếng gõ cửa, bà mở cửa thì chẳng nhìn thấy một ai. (Theo Con hổ có nghĩa)*

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Nhân vật Thái y lệnh họ Phạm (trong truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*) có những phẩm chất cao quý nào? Em cảm phục đức tính nào nhất? Vì sao?

2. (5 điểm)

Kể lại (khoảng một trang giấy) một sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ buồn lòng.

ĐỀ 17

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):

...Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sít giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, hàng xóm...

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?

- A. *Bánh chưng, bánh giầy*
- B. *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
- C. *Thánh Gióng*
- D. *Em bé thông minh*

2. Văn bản chứa đoạn văn trên thuộc thể loại nào?

- A. Truyện thần thoại
- B. Truyền thuyết
- C. Truyện cổ tích
- D. Truyện ngụ ngôn

3. Đoạn văn trên trình bày theo phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả
- B. Thuyết minh
- C. Biểu cảm
- D. Tự sự

- 4.** Từ *sứ giả* thuộc loại từ nào?
- A. Danh từ B. Động từ
C. Chỉ từ D. Lượng từ
- 5.** Dòng nào nêu đúng biểu tượng của nhân vật Thánh Gióng?
- A. Tinh thần đoàn kết để dựng nước và giữ nước
B. Sức mạnh thần kì của tinh thần và hành động yêu nước
C. Tinh thần căm thù giặc sâu sắc
D. Lòng yêu nước, sức mạnh phi thường và tinh thần chống giặc ngoại xâm
- 6.** Chi tiết nào **không** liên quan đến hiện thực lịch sử trong truyện *Thánh Gióng*?
- A. Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu
B. Từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi.
C. Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.
D. Buổi giờ có giấc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta.

(Thánh Gióng)

7. Xét về cấu tạo, cụm động từ nào có đủ ba thành phần?
- A. Nghe tiếng gõ cửa
- B. Chẳng nhìn thấy một ai
- C. Sợ đến chết khiếp
- D. Mừng rỡ đùa giỡn với con
8. Dòng nào là cụm danh từ?
- A. Một con hổ cái
- B. Nằm phục xuống
- C. Mệt mỏi lắm
- D. Gầm lên một tiếng

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho đoạn trích sau:

Ngài thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp kẻ tật bệnh cơ khổ, ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị.

Dầu bệnh có dấm để máu mũi, ngài cũng không hề né tránh. Bệnh nhân đến chữa tới khi khoẻ mạnh rồi đi. Cứ như vậy trên giường không lúc nào vắng người.

(Thấy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng)

a) Tìm các cụm động từ có trong đoạn trích.

c) Nêu nội dung chính của đoạn trích bằng một câu văn.

2. (5 điểm)

Tưởng tượng và kể lại (khoảng một trang giấy) cuộc gặp gỡ với một nhân vật trong truyện cổ tích mà em đã học (đọc thêm).

ĐỀ 18

(KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I)

I – TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu đúng nhất cách hiểu về truyện ngụ ngôn?

- A. Là loại truyện kể về loài vật, qua đó nhằm răn dạy một bài học trong cuộc sống
- B. Là những mẩu truyện ngắn kể về câu chuyện của các loài vật, qua đó nhằm nói chuyện về con người
- C. Là những truyện nhằm phê phán các hiện tượng xấu trong xã hội nhằm khuyên nhủ con người về bài học trong cuộc sống
- D. Là loại truyện kể, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người nhằm khuyên nhủ, răn dạy một bài học trong cuộc sống

2. Mục đích chính của truyện ngụ ngôn là gì?

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| A. Phản ánh hiện thực | B. Cải tạo xã hội |
| C. Giáo dục con người | D. Thể hiện ước mơ |

3. Truyện *Thạch Sanh* thuộc thể loại truyện dân gian nào?
 - A. Truyện cổ tích
 - B. Truyện thần thoại
 - C. Truyền thuyết
 - D. Truyện ngụ ngôn
4. Nhân vật em bé trong truyện *Em bé thông minh* đã giải câu đố của sứ thần bằng cách nào?
 - A. Hỏi ý kiến cha về cách giải đố
 - B. Dựa vào hiểu biết về đời sống loài vật
 - C. Đẩy thế bí về phía người ra câu đố
 - D. Làm cho người đố tự nói ra những điều phi lí trong câu đố của họ
5. Qua truyện *Em bé thông minh*, nhân dân ta chủ yếu muốn đề cao điều gì?
 - A. Lòng yêu nước của nhân dân ta
 - B. Sự thông minh và trí khôn của nhân dân ta
 - C. Đề cao tình thân tương thân tương ái
 - D. Đề cao lòng dũng cảm
6. Trong truyện *Thạch Sanh*, chi tiết “niều cơm thần kì” có ý nghĩa gì?
 - A. Thể hiện yếu tố kì ảo, hoang đường trong truyện cổ tích
 - B. Đề cao trí tưởng tượng của nhân dân
 - C. Thể hiện quyết tâm chống giặc ngoại xâm, khát vọng dựng nước và giữ nước
 - D. Thể hiện ước mơ về sự no ấm, khát vọng về một cuộc sống hoà bình, ca ngợi tài năng của Thạch Sanh
7. Truyện *Sự tích Hồ Gươm* cùng loại với truyện nào?
 - A. *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
 - B. *Thạch Sanh*
 - C. *Em bé thông minh*
 - D. *Con hổ có nghĩa*
8. Vì sao truyện *Thánh Gióng* lại được xếp vào thể loại truyền thuyết?
 - A. Vì đó là loại truyện dân gian được truyền miệng từ đời này qua đời khác
 - B. Vì truyện kể về các vị thần
 - C. Vì truyện có nhiều yếu tố kì ảo hoang đường
 - D. Vì có liên quan đến sự thật lịch sử

9. Nghệ thuật nổi bật nhất của truyện cười là gì?

- A. Kể chuyện hấp dẫn
- B. Tạo tình huống gây cười
- C. Xây dựng nhân vật
- D. Xây dựng ngôn ngữ đối thoại

10. Câu văn nào **không** sử dụng lượng từ?

- A. *Các đại thần đều vô đầu suy nghĩ.*
- B. *Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ khâu.*
- C. *Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu.*
- D. *Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái được triệu vào đều lắc đầu bó tay.*

(Em bé thông minh)

II – TỰ LUẬN (7,5 điểm)

1. (3 điểm)

Cho đoạn trích sau:

Nhân buổi ế hàng, năm ông thấy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thấy nào cũng phàn nàn, không biết hình thù con voi nó thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thấy chung nhau tiến biểu người quán voi, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thấy thì sờ vòi, thấy thì sờ ngà, thấy thì sờ tai, thấy thì sờ chân, thấy thì sờ đuôi.

(Thầy bói xem voi)

- a) Tìm các cụm động từ có trong đoạn trích.
- b) Nêu nội dung chính của đoạn trích bằng một câu văn.

2. (4,5 điểm)

Hãy đóng vai Thánh Gióng (trong truyền thuyết *Thánh Gióng*) để kể lại (khoảng một trang giấy) về cuộc đời kì lạ của mình.

ĐỀ 19

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?
A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Biểu cảm
D. Nghị luận
2. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Của tác giả nào?
A. *Bài học đường đời đầu tiên* – Tô Hoài
B. *Buổi học cuối cùng* – An-phông-xơ Đô-dê
C. *Sông nước Cà Mau* – Đoàn Giỏi
D. *Con dế ma* – Tô Hoài
3. “Tôi” trong đoạn văn trên chỉ nhân vật nào?
A. Dế Choắt
B. Chị Cốc
C. Dế Mèn
D. Tác giả
4. Dòng nào nêu đầy đủ tác dụng của cách lựa chọn ngôi kể xưng “tôi”?
A. Tạo sự gần gũi giữa người kể và bạn đọc; để biểu hiện suy nghĩ, thái độ của nhân vật xưng “tôi”
B. Biểu hiện được suy nghĩ, thái độ của nhân vật xưng “tôi”
C. Tạo sự khách quan trong câu chuyện; để biểu hiện suy nghĩ, thái độ của các nhân vật
D. Người kể có thể kể mọi tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của các nhân vật trong truyện
5. Dòng nào chỉ đúng các phó từ có trong đoạn văn trên?
A. *chẳng, cứ, và*
B. *chẳng, và*
C. *chẳng, đã, cứ*
D. *bao lâu, đã, cứ*

ĐỀ 20

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản *Sông nước Cà Mau* trích từ tác phẩm nào? Của tác giả nào?
 - A. *Đất phương Nam* – Đoàn Giỏi
 - B. *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi
 - C. *Bức tranh của em gái tôi* – Tạ Duy Anh
 - D. *Mũi Cà Mau* – Xuân Diệu
2. Văn bản *Sông nước Cà Mau* miêu tả cảnh quan ở vùng nào nước ta?
 - A. Vùng cực nam Nam Bộ
 - B. Vùng rừng núi Trung Bộ
 - C. Vùng đồng bằng Nam Bộ
 - D. Vùng rừng núi miền Tây Nam Bộ
3. Ở vùng Cà Mau, người ta gọi tên đất, tên sông theo cách nào?
 - A. Theo cách đặt trong sách vở ngày xưa
 - B. Theo đặc điểm riêng biệt của đất, của sông
 - C. Theo tên của các vị thần sông nơi đây
 - D. Theo thói quen của người xưa
4. Dòng nào nêu đúng điểm nhìn miêu tả trong văn bản *Sông nước Cà Mau*?
 - A. Trên bờ sông Năm Căn, nơi rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận
 - B. Trên ngôi nhà bè của chợ Năm Căn, nơi người ta trao đổi buôn bán hàng hoá
 - C. Trên con thuyền xuôi theo các kênh rạch vùng Cà Mau, đổ ra sông Năm Căn rộng lớn rồi dừng lại ở chợ Năm Căn
 - D. Trên con thuyền xuôi theo sông Năm Căn rộng lớn rồi dừng lại ở chợ Năm Căn

5. Dòng nào **không** nói về tác dụng của điểm nhìn miêu tả trong văn bản *Sóng nước Cà Mau*?
- A. Miêu tả cảnh quan của một vùng rộng lớn theo một trình tự tự nhiên, hợp lí
 - B. Quan sát rồi từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh
 - C. Có thể miêu tả lần lượt, kĩ hoặc lướt qua các cảnh quan hai bên bờ
 - D. Người đọc có thể hình dung cảnh như những thước phim
6. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *so sánh*?
- A. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng
 - B. Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người
 - C. Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó
 - D. Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó
7. Dòng nào **không** thuộc mô hình cấu tạo của phép so sánh?
- A. Nêu tên sự vật, sự việc được so sánh
 - B. Nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh
 - C. Từ ngữ chỉ ý so sánh
 - D. Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt
8. Khi miêu tả, để làm nổi bật những đặc điểm tiêu biểu của sự vật, người viết cần phải thực hiện thao tác nào trước nhất?
- A. Nhận xét
 - B. Liên tưởng
 - C. Quan sát
 - D. Ví von, so sánh

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho phần trích sau:

“... ngoài ra còn có thể mua cây kim cuộn chỉ, những vận dụng cần thiết, một bộ quần áo may sẵn hay một món nữ trang đắt giá chẳng hạn, mà không cần phải bước ra khỏi thuyền”.

(Đoàn Giỏi, Sông nước Cà Mau)

Phần trích dẫn tả cảnh mua bán ở chợ nào? Qua đó, em hiểu nét độc đáo nào của cảnh chợ được miêu tả?

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) miêu tả cảnh một phiên chợ nơi em sinh sống. Trong đó có sử dụng ít nhất một hình ảnh so sánh (gạch dưới hình ảnh so sánh đó).

ĐỀ 21

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi nếu nói ra được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con dâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đây.

1. Đoạn văn trên trích trong truyện ngắn nào? Của tác giả nào?

- A. Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh
- B. Con dế ma – Tô Hoài
- C. Bức tranh của em gái tôi – Đoàn Giỏi
- D. Bức tranh của em gái tôi – Tô Hoài

2. “Tôi” là nhân vật nào trong truyện?

- A. Kiều Phương
- B. Cô em gái
- C. Người anh trai
- D. Chú bé An

3. Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong đoạn văn trên là gì?

- A. Buồn vì cảm thấy mình bị lãng quên
- B. Xúc động, cảm thấy mình không xứng đáng được vẽ và hiểu tấm lòng của em gái

- C. Khó chịu, xét nét và không thể thân với em gái như trước
 - D. Thất vọng khi đứng trước bức tranh của em gái
4. Dòng nào **không** phải là tác dụng của cách kể chuyện bằng ngôi thứ nhất (người kể chuyện xưng “tôi”) trong truyện trên?
- A. Miêu tả tâm trạng nhân vật tự nhiên bằng lời của chính nhân vật ấy
 - B. Nhân vật cô em gái cũng hiện lên qua cách nhìn, thái độ của người anh
 - C. Nhân vật kể chuyện tự soi xét tình cảm, suy nghĩ của mình để sống tốt hơn
 - D. Có thể kể chuyện một cách khách quan, kể mọi chuyện xảy ra ở mọi lúc, mọi nơi
5. Dòng nào nêu lên bài học chính mà truyện trên mang lại?
- A. Thái độ, cách ứng xử trước tài năng của người khác và thái độ, cách ứng xử của người có tài năng với người xung quanh mình
 - B. Cần quyết tâm vượt lên để thực hiện ước mơ, khẳng định tài năng của mình
 - C. Trong cuộc sống, không nên kiêu căng, cần có lòng nhân hậu, độ lượng
 - D. Trong cuộc sống, không nên mặc cảm, tự ti, ghen tị
6. Nhân vật nào xuất hiện trong bức tranh đoạt giải của người em?
- | | |
|----------------------------|--------------|
| A. Cô em gái (Kiều Phương) | B. Người anh |
| C. Chú Tiến Lê | D. Người mẹ |
7. Dòng nào **không** thuộc giá trị nội dung của truyện trên?
- A. Câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa
 - B. Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của cô em gái
 - C. Truyện miêu tả tinh tế tâm lí nhân vật qua cách kể theo ngôi thứ nhất
 - D. Người anh đã nhận ra phân hạn chế của chính mình
8. Dòng nào nêu đúng yêu cầu của một bài văn nói?
- A. Lập dàn bài chi tiết, các ý cần rõ ràng
 - B. Các ý trong bài cần chi tiết, cụ thể, ngôn từ cần trau chuốt, chọn lọc
 - C. Lập dàn bài ngắn gọn, ý mạch lạc, ngôn từ trong sáng, dễ hiểu
 - D. Cần viết thành một bài văn chi tiết có đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Trình bày cảm nghĩ về tâm trạng người anh (trong *Bức tranh của em gái tôi*) khi đối diện với bức tranh mà em gái vẽ mình.

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) tả hình dáng người anh (chị) hoặc người em mà mình yêu quý, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh (gạch dưới hình ảnh so sánh đó).

ĐỀ 22

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản *Vượt thác* trích từ truyện nào?

- | | |
|------------------------|--------------|
| A. Quê nội | B. Quê mẹ |
| C. Đất rừng phương Nam | D. Tảng sáng |

2. Nhân vật chính của truyện vừa xác định ở câu 1 là ai?

- | | |
|-------------------|------------------|
| A. Kiều Phương | B. Cúc và Cù Lao |
| C. Người anh trai | D. Chú bé An |

3. Cuộc vượt thác của con thuyền (*Vượt thác*) được miêu tả theo trình tự nào?

- A. Từ quang cảnh hai bên bờ đến cảnh dựng Hương Thư chỉ huy con thuyền vượt thác dữ
- B. Từ đoạn sông vùng đồng bằng đến đoạn sông có nhiều thác dữ ở vùng núi
- C. Từ đoạn sông vùng đồng bằng đến đoạn sông có nhiều thác dữ ở vùng núi, cuối cùng là khúc sông phẳng lặng
- D. Từ đoạn sông có nhiều thác dữ ở vùng núi rồi đến khúc sông bằng phẳng

4. Chi tiết: “Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít” là tả cảnh ở đoạn sông nào?

- A. Đoạn sông phẳng lặng trước khi đến chân thác dữ

- B. Đoạn sông có nhiều thác dữ
 - C. Đoạn sông đã qua thác dữ
 - D. Đoạn sông có thác Cổ Cò
5. Dòng nào giải thích đúng nghĩa của từ *hiệp sĩ*?
- A. Những anh hùng trong truyện cổ tích
 - B. Người hay bênh vực kẻ yếu và giúp người gặp nạn
 - C. Người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn
 - D. Người có sức mạnh và lòng hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu và cứu giúp người gặp nạn
6. Câu nào có sử dụng phép so sánh?
- A. *Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.*
 - B. *Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận*
 - C. *Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững.*
 - D. *Chú Hai vớt sào, ngồi xuống thở không ra hơi.*
7. Câu: “Dượng Hương Thư [...] giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ” dùng kiểu so sánh nào?
- A. So sánh không ngang bằng
 - B. So sánh ngang bằng
 - C. So sánh hơn
 - D. So sánh kém
8. Thứ tự nào phù hợp khi làm bài văn tả cảnh?
- A. Xác định đối tượng miêu tả; quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu; trình bày những điều đã quan sát được theo một thứ tự
 - B. Xác định đối tượng miêu tả; quan sát, trình bày những điều đã quan sát được theo một thứ tự; lựa chọn hình ảnh tiêu biểu
 - C. Quan sát, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu; trình bày những điều đã quan sát được theo một thứ tự; xác định đối tượng miêu tả
 - D. Xác định người cần miêu tả; quan sát, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu; trình bày những điều đã quan sát được theo một thứ tự

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu văn sau:

Dương Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuộn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ.

(Võ Quảng, *Vượt thác*)

- Chỉ ra các hình ảnh so sánh trong câu văn trên.
- Những hình ảnh so sánh đó có tác dụng gì khi miêu tả nhân vật dương Hương Thư?

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) tả mẹ em khi đang chuẩn bị bữa ăn cho gia đình, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh (gạch dưới hình ảnh so sánh đó).

ĐỀ 23

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- Truyện *Buổi học cuối cùng* có phương thức biểu đạt chính là tự sự vì nó có mục đích giao tiếp là:
 - nêu ý kiến đánh giá bàn luận.
 - tái hiện trạng thái sự vật, con người.
 - trình bày diễn biến sự việc.
 - giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp.
- Dòng nào nêu đúng tên các nhân vật chính trong truyện?
 - Thầy Ha-men, dương Hương Thư
 - Thầy Ha-men, chú Tiến Lê
 - Thầy Ha-men, chú bé Phrăng
 - Thầy Ha-men, cụ già Hô-de

3. Dòng nào miêu tả trang phục của thầy Ha-men (trong *Buổi học cuối cùng*)?
- A. Mặc chiếc áo rơ-danh-gốt màu xanh lục, điểm lá sen gấp nếp mịn và đội cái mũ tròn bằng lụa đen thêu
 - B. Mang theo quyển tập đánh vân cũ đã sờn mép để mở rộng trên lòng, cặp kính lớn đặt ngang trang sách
 - C. Bước lên bục, rồi vẫn với giọng dịu dàng và trang trọng...
 - D. Rồi thấy đứng đó, dẫu dựa vào tường, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi
4. Việc thầy Ha-men mặc trang phục đẹp, trang trọng và sự xuất hiện của các cụ già trong làng đến ngồi ở cuối lớp học là vì lí do gì?
- A. Buổi học đó là một ngày lễ lớn đối với vùng An-dát
 - B. Tôn vinh buổi học cuối cùng, thể hiện tình yêu với tiếng nói của dân tộc
 - C. Các cụ già muốn xem thầy Ha-men dạy học
 - D. Họ muốn chia tay với thầy Ha-men trước khi thầy nghỉ dạy
5. Truyện được kể theo lời kể của nhân vật nào? Ngôi kể thứ mấy?
- A. Thầy Ha-men, ngôi thứ nhất
 - B. Chú bé Phrăng, ngôi thứ ba
 - C. Chú bé Phrăng, ngôi thứ nhất
 - D. Cụ già Hô-de, ngôi thứ ba
6. Tác dụng của ngôi kể trong truyện là gì?
- A. Tạo ấn tượng về tính chân thực của câu chuyện, thuận lợi để biểu hiện tâm trạng của nhân vật Phrăng
 - B. Tạo ấn tượng về tính chân thực của câu chuyện, thuận lợi để biểu hiện tâm trạng của các nhân vật trong truyện
 - C. Mang lại sự khách quan, người kể chuyện có thể kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật
 - D. Tạo ấn tượng về tính chân thực của câu chuyện, thuận lợi để biểu hiện tâm trạng của thầy Ha-men
7. Dòng nào **không** nêu các kiểu nhân hoá thường gặp?
- A. Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật
 - B. Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật

- C. Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người
- D. Đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng

8. Dòng nào **không** thuộc bố cục của bài văn tả người?

- A. Giới thiệu người được tả
- B. Miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói,...)
- C. Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự
- D. Nêu cảm nghĩ về người được tả

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau:

Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi!...

Mà tôi mới biết viết tập toạng! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!... Giờ đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt trên hồ. Những cuốn sách vừa này tôi còn thấy chán ngán đến thế, mang nặng đến thế, quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi rất đau lòng phải giã từ.

(An-phông-xơ Đô-đê, *Buổi học cuối cùng*)

Đoạn văn nói về tâm trạng chú bé Phrăng trong hoàn cảnh nào? Đó là tâm trạng như thế nào?

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) miêu tả thầy (cô) giáo của em.

ĐỀ 24

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* được sáng tác vào thời điểm nào?
 - A. Năm 1946, bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

- B. Chiến dịch biên giới năm 1950
- C. Năm 1951, trong thời kì kháng chiến chống Pháp
- D. Sau kháng chiến chống Pháp
2. Từ “đội viên” trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* được dùng với nghĩa nào?
- A. Chỉ chiến sĩ quân đội, cách gọi thường dùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp
- B. Người cán bộ chỉ huy trong quân đội
- C. Đội viên Thiếu niên Tiền phong
- D. Chỉ cách gọi chung của các chú bé liên lạc trong thời kì kháng chiến chống Pháp
3. Hình tượng Bác Hồ trong bài thơ được hiện lên qua cảm nhận và suy nghĩ của nhân vật nào?
- A. Người Cha
- B. Anh đội viên
- C. Người dân công
- D. Anh bộ đội
4. Dòng nào **không** thuộc nội dung của bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*?
- A. Câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch
- B. Câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ khi ở chiến khu Việt Bắc
- C. Thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc của Bác với bộ đội và nhân dân
- D. Thể hiện tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ
5. Câu thơ: “Người Cha mái tóc bạc” sử dụng phép tu từ nào?
- A. Hoán dụ
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Nhân hoá
6. Dòng nào phù hợp với phương thức biểu đạt của bài thơ trên?
- A. Biểu cảm, tự sự, miêu tả
- B. Biểu cảm, tự sự
- C. Tự sự, miêu tả, nghị luận
- D. Tự sự, biểu cảm, nghị luận
7. Dòng nào nêu đúng khái niệm *ẩn dụ*?
- A. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng

- B. Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người
- C. Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó
- D. Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó
8. Câu tục ngữ nào có sử dụng phép ẩn dụ?
- A. *Học thấy không tày học bạn*
- B. *Nhất thì, nhì thục*
- C. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*
- D. *Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ*

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu thơ sau:

*Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng*

(Minh Huệ, *Đêm nay Bác không ngủ*)

- a) Phân tích mô hình của phép so sánh trong hai câu thơ trên.
- b) Nêu tác dụng của hình ảnh so sánh đó.

2. (5 điểm)

Bằng đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu), qua lời của anh đội viên trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, hãy kể lại đoạn thơ lần thứ ba anh thức dậy, chú ý miêu tả khung cảnh, hình ảnh Bác Hồ và tâm trạng anh đội viên.

ĐỀ 25

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Bài thơ *Lượm* ra đời vào năm nào?
 - A. Năm 1948
 - B. Năm 1949
 - C. Năm 1950
 - D. Năm 1951
2. Địa danh *Hàng Bè* trong câu thơ “Gặp nhau Hàng Bè” (*Lượm*) là:
 - A. tên một làng quê ở Huế.
 - B. tên một đường phố ở Hà Nội.
 - C. tên một đường phố ở Huế.
 - D. tên một đồn binh lớn ở Huế.
3. Việc lặp lại hai khổ thơ trong đoạn đầu ở cuối bài thơ *Lượm* có tác dụng gì?
 - A. Kể lại thời gian mà *Lượm* và tác giả gặp nhau
 - B. Khẳng định *Lượm* còn sống mãi trong lòng nhà thơ, còn mãi với quê hương, đất nước
 - C. Tác giả rất nhớ hình ảnh hồn nhiên, vui tươi của *Lượm*
 - D. Khẳng định *Lượm* vẫn chưa hi sinh và đang tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao
4. Tên gọi nào sau đây tác giả **không** dùng để gọi *Lượm* trong bài thơ?
 - A. *Chú bé, cháu*
 - B. *Cháu, Lượm*
 - C. *Chú đồng chí nhỏ*
 - D. *Con chim chích*
5. Từ *loắt choắt* trong câu thơ “Chú bé loắt choắt” được hiểu là:
 - A. dáng người đậm mà nhanh nhẹn.
 - B. dáng nhỏ bé mà nhanh nhẹn.
 - C. dáng cao, gầy và chạy nhanh.
 - D. dáng nhỏ bé và chậm chạp.
6. Thể thơ bốn chữ thường được dùng để:
 - A. kể chuyện
 - B. bày tỏ tình cảm
 - C. bàn luận ý kiến
 - D. tả cảnh

3. Dòng nào **không** phải là ý chính của văn bản?
- Vẻ đẹp trong sáng của đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua
 - Tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô
 - Cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo
 - Tả cảnh hoàng hôn trên biển đảo Cô Tô
4. Tác giả đã ví mặt trời mọc trên biển với hình ảnh nào?
- Một mâm bạc có đường kính rộng bằng cả một chân trời*
 - Lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn*
 - Tấm kính lau hết mây hết bụi*
 - Mẹ hiền mớm cá cho lũ con ngon lành*
5. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu văn sau sao cho phù hợp với nội dung trong bài *Cô Tô* (Nguyễn Tuấn):
- “Châu Hoà Mãn” là tên của /.../
- một đảo của Cô Tô.
 - một anh hùng lao động ngành ngư nghiệp.
 - một chiến sĩ hải quân trên đảo Cô Tô.
 - một anh hùng chiến đấu.
6. Câu: “Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa bể, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền” có mấy hình ảnh so sánh?
- | | |
|--------|--------|
| A. Một | B. Hai |
| C. Ba | D. Bốn |
7. Dòng nào nêu đúng cách gieo vần chân trong thơ?
- Là vần được gieo ở cuối dòng thơ
 - Là vần được gieo ở giữa dòng thơ
 - Là vần được gieo ở cuối khổ thơ
 - Là vần được gieo ở giữa khổ thơ
8. Dòng nào có sử dụng phép hoán dụ?
- Áo chàm đưa buổi phân li – Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.* (Tố Hữu)

- B. *Người Cha mái tóc bạc – Đốt lửa cho anh nằm.* (Minh Huệ)
- C. *Ông Trời – Mặc áo giáp đen – Ra trận.* (Trần Đăng Khoa)
- D. *Ngôi nhà như trẻ nhỏ – Lớn lên với trời xanh.* (Đồng Xuân Lan)

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu văn sau:

“Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về.” (Nguyễn Tuân, *Có Tờ*).

- a) Chỉ ra hình ảnh hoán dụ trong câu văn.
- b) Nêu cảm nhận của em (khoảng 2 câu) về cách sử dụng hình ảnh hoán dụ của tác giả.

2. (5 điểm)

Tả cảnh bình minh trên biển mà em đã có dịp nhìn ngắm, trong đó có sử dụng một hình ảnh so sánh và một hình ảnh nhân hoá (gạch dưới các hình ảnh đó).

ĐỀ 27

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- 1. Dòng nào nêu đúng điểm nhìn miêu tả của tác giả khi ngắm cảnh mặt trời mọc trên biển (trong văn bản *Có Tờ*)?
 - A. Ở thấu đầu mũi đảo Thanh Luân
 - B. Trên nóc đồn Cô Tô
 - C. Trên núi đảo Cô Tô
 - D. Bên cái giếng nước ngọt của đảo Thanh Luân

2. Dòng nào nêu đúng nhất tác dụng của vị trí quan sát mà tác giả lựa chọn?
- A. Thể hiện tình cảm yêu mến với đảo Cô Tô
 - B. Bao quát được khung cảnh bao la và vẻ đẹp tươi sáng của vùng đảo Cô Tô
 - C. Miêu tả rõ hơn những đoàn thuyền đánh cá
 - D. Miêu tả được vẻ đẹp của con người lao động trên bãi biển
3. Cảnh sinh hoạt và lao động trong một buổi sáng trên đảo Thanh Luán hiện lên như thế nào?
- A. Khẩn trương, tấp nập, thanh bình
 - B. Thanh bình, êm ả
 - C.Ồn ào, đông đúc
 - D. Tráng lệ, hùng vĩ
4. Dòng nào nêu **không** đúng đặc điểm của thành phần vị ngữ trong câu?
- A. Trả lời câu hỏi: làm gì, làm sao, như thế nào, là gì; câu thường có một hay nhiều vị ngữ
 - B. Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái,... được miêu tả ở vị ngữ
 - C. Là thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian
 - D. Thường là động từ hoặc cụm động từ; tính từ hoặc cụm tính từ; danh từ hoặc cụm danh từ
5. Câu: “Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn” có mấy vị ngữ?
- A. Một
 - B. Hai
 - C. Ba
 - D. Bốn
6. Dòng nào nêu cách hiểu đúng về thể thơ năm chữ?
- A. Là thể thơ mỗi dòng năm chữ, còn gọi là thơ ngũ ngôn, thường ngắt nhịp 3 / 2 hay 2 / 3, số câu không hạn định, thường chia khổ, mỗi khổ thường có bốn câu
 - B. Là thể thơ mỗi dòng năm chữ, mỗi bài thơ có năm câu
 - C. Là thể thơ mỗi dòng năm chữ, còn gọi là thơ ngũ ngôn, thường ngắt nhịp 2 / 2, có số câu hạn định
 - D. Là bài thơ thường chia khổ, mỗi khổ thường có năm câu

7. Bài nào được viết theo thể thơ năm chữ?

- A. *Lượm* – Tố Hữu
- B. *Đêm nay Bác không ngủ* – Minh Huệ
- C. *Mưa* – Trần Đăng Khoa
- D. *Mùi Cà Mau* – Xuân Diệu

8. Trình tự nào phù hợp với yêu cầu của bài văn tả người?

- A. Xác định đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc); quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu; trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự
- B. Xác định đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc); quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu
- C. Trình bày diễn biến sự việc để đi đến một kết quả, ý nghĩa nào đó
- D. Xác định đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc); trình bày kết quả quan sát theo một trình tự

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu văn sau:

Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng dể ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

(Nguyễn Tuân, *Có Tô*)

a) Câu văn trên vắng thành phần chính nào?

b) Việc vắng thành phần chính ấy thể hiện dụng ý nghệ thuật gì của tác giả?

2. (5 điểm)

Bằng đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu), hãy miêu tả một người bạn mà em yêu quý, trong đó chỉ ra hai thành phần chính của một câu văn bất kì.

ĐỀ 28

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào **không** phải là nội dung chính của văn bản *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới)?
 - A. Cây tre là người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam.
 - B. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu.
 - C. Cây tre đã thành một biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam.
 - D. Tre mọc xanh tốt mọi nơi, dáng tre vươn mọc mọc mà thanh cao.
2. Hình ảnh “nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê” có ý nghĩa gì?
 - A. Tre gắn bó với cuộc sống tinh thần của con người, là phương tiện để con người biểu lộ cảm xúc bằng âm thanh
 - B. Tre là người bạn thân thiết, giúp người nông dân trong công việc sản xuất
 - C. Tre gắn bó với tuổi thơ Việt Nam
 - D. Tre gắn bó với nhân dân ta trong các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc
3. Thủ pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong văn bản *Cây tre Việt Nam* là gì?
 - A. Nhân hoá
 - B. Ẩn dụ
 - C. So sánh
 - D. Hoán dụ
4. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *câu trần thuật đơn*?
 - A. Là loại câu do hai hoặc nhiều cụm chủ vị không bao chứa nhau tạo thành.
 - B. Là loại câu do một cụm chủ vị tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.
 - C. Là loại câu do nhiều cụm chủ vị tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.
 - D. Là loại câu do một cụm chủ vị tạo thành, dùng để giới thiệu, tả, kể hoặc nêu cảm xúc về một sự việc, sự vật.

5. Dòng nào **không** phải là đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ *là*?
- Vị ngữ thường do từ *là* kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành.
 - Vị ngữ có thể do từ *là* kết hợp với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ) tạo thành.
 - Vị ngữ thường do động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ) tạo thành.
 - Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ *không phải*, *chưa phải*.
6. Câu: “Tre là thẳng thắn, bất khuất.” là kiểu câu nào của câu trần thuật đơn có từ *là*?
- Câu định nghĩa
 - Câu giới thiệu
 - Câu miêu tả
 - Câu đánh giá
7. Văn bản *Lòng yêu nước* (I.Ê-ren-bua) ra đời trong bối cảnh nào?
- Cách mạng tháng Mười Nga
 - Chiến tranh thế giới thứ nhất
 - Chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức
 - Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước
8. Dòng nào nói đúng chân lí về lòng yêu nước mà I.Ê-ren-bua nêu trong văn bản?
- Lòng yêu nước là yêu mảnh đất quê hương, con người đất nước mình.
 - Lòng yêu nước bắt nguồn từ tình yêu quê hương, yêu gia đình, yêu những người thân.
 - Lòng yêu nước bắt đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.
 - Lòng yêu nước là tình yêu dành cho đất nước, cao quý hơn tất cả.

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

Nhận xét về nhịp điệu của câu văn sau: “Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.”

2. (6 điểm)

Dựa vào văn bản *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới) và phần trích *Tre Việt Nam* (Nguyễn Duy), hãy viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) miêu tả cây tre. Trong đó có sử dụng một câu trần thuật đơn, một câu trần thuật đơn có từ *là* (gạch dưới các câu đó).

ĐỀ 29

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Dòng nào nêu đúng nhất suy nghĩ của chú bé Phrăng (trong *Buổi học cuối cùng*) trước buổi học?
 - A. Định trốn học vì đã trễ giờ và sợ thầy hỏi bài mà chưa thuộc.
 - B. Hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng mẹ đẻ
 - C. Tha thiết muốn trau dồi kiến thức
 - D. Biết đây là buổi học tiếng mẹ đẻ cuối cùng
2. Những điều khác lạ trên đường tới trường và quang cảnh trang nghiêm ở trường có ý nghĩa gì?
 - A. Cho biết đó là buổi học cuối cùng
 - B. Bày tỏ lòng biết ơn của dân làng với thầy Ha-men
 - C. Báo hiệu điều nghiêm trọng, khác thường của buổi học hôm đó
 - D. Thể hiện thái độ của thầy Ha-men với cậu học trò Phrăng
3. Lòng yêu nước của thầy Ha-men được biểu hiện như thế nào trong truyện?
 - A. Căm thù bọn lính Phổ đã xâm lược quê hương
 - B. Kêu gọi mọi người cùng đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược
 - C. Yêu thiết tha tiếng nói dân tộc
 - D. Yêu mến vùng quê An-dát của mình

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi (từ câu 4 đến câu 7):

...(1) *Cây hoa lan nở hoa trắng xoá.* (2) *Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ.* (3) *Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyền.* (4) *Ông vàng, ông vò vẽ, ông mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa.* (5) *Chúng đuổi cả bướm đi.* (6) *Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao.* (7) *Từng đàn rú nhau lặng lẽ bay đi.*

(Theo Duy Khán)

4. Các câu (1), (2), (3) trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu nào?
- A. Câu trần thuật đơn không có từ *là*
 - B. Câu trần thuật đơn có từ *là*
 - C. Câu trần thuật đơn có từ *là* – dạng câu miêu tả
 - D. Câu trần thuật đơn có từ *là* – dạng câu giới thiệu
5. Nếu viết: “Ông vàng, ông vò vẽ, ông mật để hút mật ở hoa.” thì câu sai do đâu?
- A. Thiếu trạng ngữ
 - B. Thiếu chủ ngữ
 - C. Thiếu vị ngữ
 - D. Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ
6. Câu văn nào có cả hình ảnh so sánh và nhân hoá?
- A. Câu (1)
 - B. Câu (2)
 - C. Câu (3)
 - D. Câu (7)
7. Câu: “Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao” dùng kiểu nhân hoá nào sau đây?
- A. Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật
 - B. Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật
 - C. Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người
 - D. Gọi hoặc tả con vật, đồ vật, cây cối,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người
8. Từ *đang* trong câu: “Hai con chèo bẻo đang bay, một con cắt vút lao ra” là loại từ nào?
- A. Phó từ
 - B. Đại từ
 - C. Chỉ từ
 - D. Động từ

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

Đặt một câu trần thuật đơn và một câu trần thuật đơn có từ *là* với chủ đề về cảnh đẹp của quê hương.

2. (6 điểm)

Tả cánh đồng lúa hoặc dòng sông, đền, chùa,... ở quê hương em. Trong đó có sử dụng một hình ảnh so sánh, một hình ảnh nhân hoá (gạch dưới những hình ảnh đó).

ĐỀ 30

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản nào thuộc văn học nước ngoài?

- A. Buổi học cuối cùng
- B. Cây tre Việt Nam
- C. Sông nước Cà Mau
- D. Bức tranh của em gái tôi

2. Văn bản nào thuộc thể kí?

- A. Bài học đường đời đầu tiên
- B. Bức tranh của em gái tôi
- C. Vượt thác
- D. Cô Tô

3. Các thể truyện và phần lớn các thể kí (như bút kí, kí sự, phóng sự) chủ yếu sử dụng phương thức nào?

- | | |
|--------------|------------|
| A. Biểu cảm | B. Tự sự |
| C. Nghị luận | D. Miêu tả |

4. Dòng nào nêu đầy đủ các yếu tố thường **không** thể thiếu được trong tác phẩm truyện?
- Cốt truyện, nhân vật
 - Nhân vật, lời kể
 - Lời kể, cốt truyện
 - Cốt truyện, nhân vật, lời kể
5. Văn bản nào giúp người đọc hiểu về cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống lao động của con người trên sông Thu Bồn ở miền Trung nước ta?
- Vượt thác*
 - Sông nước Cà Mau*
 - Cô Tô*
 - Lao xao*
6. Dòng nào nêu nhận xét đúng về câu trần thuật đơn không có từ *là*?
- Vị ngữ thường do từ *là* kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành
 - Vị ngữ có thể do từ *là* kết hợp với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ) tạo thành
 - Vị ngữ thường do động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ) tạo thành; khi biểu thị ý phủ định, vị ngữ kết hợp với các từ *không*, *chưa*
 - Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ *không phải*, *chưa phải*
7. Câu: “Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò” thuộc kiểu câu nào?
- Câu trần thuật đơn có từ *là*
 - Câu định nghĩa
 - Câu tồn tại
 - Câu trần thuật đơn không có từ *là*
8. Câu: “Hình ảnh dương Hương Thư chống sào, chèo thuyền, vượt thác dữ.” mắc lỗi nào sau đây?
- Thiếu chủ ngữ
 - Thiếu vị ngữ
 - Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ
 - Thiếu một phần của chủ ngữ

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu văn sau:

Qua đoạn trích “Sông nước Cà Mau” cho thấy vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã của vùng sông nước tận cùng phía nam Tổ quốc.

(Sông nước Cà Mau)

- Chỉ ra lỗi sai trong câu văn trên và nêu cách sửa. Chép lại câu đúng sau khi đã sửa.
- Viết tiếp vào câu đã sửa một hoặc hai câu văn miêu tả vẻ đẹp hùng vĩ đầy sức sống của vùng sông nước Cà Mau.

2. (5 điểm)

Bằng một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu), hãy tả cây bàng khi mùa xuân về. Trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh và nhân hoá (gạch dưới các hình ảnh đó).

ĐỀ 31

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản nào là văn bản nhật dụng?

- Lòng yêu nước
- Cây tre Việt Nam
- Bức thư của thủ lĩnh da đỏ
- Bài học đường đời đầu tiên

2. Dòng nào nêu nhận xét đúng về khái niệm văn bản nhật dụng?

- Là khái niệm chỉ thể loại
- Là nói đến tính chất của nội dung văn bản (gắn gũi, bức thiết với cuộc sống)
- Là khái niệm chỉ kiểu văn bản
- Là khái niệm chỉ phương thức biểu đạt của văn bản

3. Cách hiểu nào đúng với từ *chứng nhân*?
- A. Người làm chứng, người chứng kiến.
 - B. Nhân chứng của một vụ việc nào đó có tính chất nghiêm trọng.
 - C. Người tham gia vào sự việc.
 - D. Người không được chứng kiến sự việc.
4. Đề văn nào là kiểu bài miêu tả sáng tạo?
- A. Hãy tả lại giờ ra chơi của trường em.
 - B. Tả lại cô giáo em trong Ngày Nhà giáo Việt Nam – 20 tháng 11.
 - C. Em gặp nàng Tiên Cá trong giấc mơ, hãy tả lại hình ảnh của nàng.
 - D. Tả lại người mẹ thân yêu khi em biết tin làm được một việc tốt.
5. Đơn từ thuộc phương thức biểu đạt nào?
- A. Tự sự
 - B. Miêu tả
 - C. Biểu cảm
 - D. Hành chính – công vụ
6. Dòng nào nêu đúng định nghĩa *đơn từ*?
- A. Bản tổng hợp trình bày về tình hình, sự việc và các kết quả đạt được của một cá nhân hay tập thể.
 - B. Văn bản được viết ra để đề đạt một nguyện vọng với một người hay một cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó.
 - C. Văn bản gửi lên các cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền để nêu ý kiến của mình.
 - D. Văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tương trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.
7. Ngôn từ và cách trình bày của đơn cần phải đảm bảo:
- A. trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa, theo một số mục nhất định.
 - B. ngắn gọn, rõ ràng nhưng ngôn từ cần biểu cảm.
 - C. trang trọng và cần dùng một số phép tu từ để tạo sự thuyết phục.
 - D. trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa, không cần theo một số mục nhất định.

8. Những nội dung nào bắt buộc có trong đơn?

- A. Quốc hiệu, tên đơn, người gửi
- B. Đơn gửi ai?; ai gửi đơn?; gửi để đạt nguyện vọng gì?
- C. Nơi gửi, nơi làm đơn, ngày tháng năm gửi
- D. Quốc hiệu, tên đơn, lí do gửi

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau:

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước dấy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, còc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om hỗn gác dậm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy yếu vào ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiếu toả xuống ánh nước của hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

(Bài học đường đời đầu tiên)

Đoạn văn trên miêu tả cảnh đầm nước qua con mắt của nhân vật nào? Từ đó em hiểu thêm điều gì về tính cách của nhân vật ấy?

2. (5 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) tưởng tượng và tả lại nhân vật cô em gái – Kiều Phương trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh).

ĐỀ 32

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* do ai viết?

- A. Xi-át-ton

- B. Phreng-klin Pi-ơ-xơ
 - C. Người da trắng
 - D. Người da đỏ
2. Văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* ra đời với mục đích gì?
- A. Để nói về việc mua bán đất của người da đỏ với người da trắng
 - B. Trả lời về việc Phreng-klin Pi-ơ-xơ (Tổng thống thứ 14 của nước Mĩ) muốn mua đất của người da đỏ
 - C. Để nói về ý định bán đất của người da đỏ
 - D. Để nói về ý định không bán đất của người da đỏ cho người da trắng
3. Dòng nào nêu đúng lãnh thổ sinh sống, chủng tộc của người da đỏ?
- A. Dân cư sống trên lục địa châu Âu thuộc chủng tộc Anh-diêng
 - B. Dân cư sống trên lục địa châu Phi thuộc chủng tộc Anh-diêng
 - C. Dân cư sống trên lục địa châu Á thuộc chủng tộc Anh-diêng
 - D. Dân cư sống trên lục địa châu Mĩ thuộc chủng tộc Anh-diêng
4. Những sự vật nào trong văn bản được người da đỏ coi là người chị, người em?
- A. Những dòng nhựa chảy trong cây cối
 - B. Những bông hoa ngát hương
 - C. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ
 - D. Những dòng sông, những con suối
5. Dòng nào nêu đúng ý nghĩa của văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*?
- A. Con người sống phải hoà hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.
 - B. Chúng ta không nên can thiệp vào các vấn đề về đất đai, môi trường
 - C. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ.
 - D. Chúng ta cần tìm hiểu và bảo vệ những di tích lịch sử ở địa phương.
6. Dòng nào nêu đúng nhất nghệ thuật chủ yếu của văn bản?
- A. Giọng văn đầy sức truyền cảm; lối sử dụng so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, thủ pháp đối lập phong phú, đa dạng
 - B. Giọng văn đầy sức truyền cảm; cách sử dụng so sánh, điệp ngữ, phong phú đa dạng

- C. Sử dụng nhuần nhuyễn các phép so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, thủ pháp đối lập
- D. Lối viết đầy cảm xúc cùng cách sử dụng phép nhân hoá, nói quá một cách ấn tượng
7. Câu văn nào không phải câu trần thuật đơn có từ là?
- A. *Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ.*
- B. *Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình.*
- C. *Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng.*
- D. *Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi.*
8. Nếu viết: “Trong văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, bằng tình yêu và sự gắn bó sâu nặng với mảnh đất quê hương mình.” thì câu này mắc lỗi gì?
- A. Thiếu chủ ngữ và vị ngữ
- B. Thiếu chủ ngữ
- C. Thiếu vị ngữ
- D. Sai về quan hệ ngữ nghĩa

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Đọc câu văn sau:

Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi...

(*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*)

- a) Giải thích từ “kí ức”.
- b) Câu văn trên cho thấy mối quan hệ của người da đỏ với đất đai, rừng cây,... như thế nào?
- c) Để nhấn mạnh mối quan hệ đó, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào?
2. (5 điểm)
- Hãy viết đơn xin gia nhập câu lạc bộ bảo vệ môi trường ở trường em.

ĐỀ 33

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

- Điểm giống nhau cơ bản khi miêu tả cảnh vật giữa hai văn bản *Vượt thác* và *Sông nước Cà Mau* là gì?
 - Tả cảnh vùng đất cực nam của Tổ quốc
 - Tả cảnh sinh hoạt của người ngư dân trên biển
 - Tả cảnh vật hùng vĩ hai bên thác nước
 - Tả cảnh sông nước
- Phẩm chất nổi bật của cây tre trong văn bản *Cây tre Việt Nam* là gì?
 - Vẻ đẹp kiêu diễm, thướt tha, gắn bó với con người
 - Vẻ đẹp sang trọng, quý phái, óng chuốt đầy sức sống
 - Vẻ đẹp vừa thanh thoát, dẻo dai vừa thủy chung, bất khuất
 - Vẻ đẹp thuần khiết, quyến rũ kì ảo, luôn vươn lên trong mọi hoàn cảnh
- Đề văn nào thuộc kiểu bài miêu tả sáng tạo?
 - Tả cây phượng ở sân trường em vào dịp hè.
 - Tả một buổi lao động vệ sinh quét sân trường của lớp em.
 - Tả lại nhân vật ông Tiên (ông Bụt) trong các truyện cổ tích.
 - Tả lại người mẹ yêu quý.
- Nếu viết: “Động Phong Nha, trong quần thể hang động thuộc núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền Tây Quảng Bình” thì câu này mắc lỗi gì?
 - Thiếu vị ngữ
 - Thiếu chủ ngữ
 - Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ
 - Sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu
- Dòng nào nêu đúng đặc trưng của văn miêu tả?
 - Văn bản trình bày diễn biến sự việc đi đến một kết quả và ý nghĩa.
 - Văn bản được viết ra để đạt nguyện vọng với một người hay một cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó.

- C. Văn bản thể hiện tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người với thế giới xung quanh để gợi sự đồng cảm ở người đọc.
- D. Văn bản giúp ta hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,... làm cho chúng hiện lên trước mắt người đọc.
6. Thông thường, dấu chấm than (!) thường được đặt ở cuối những kiểu câu nào?
- Câu trần thuật, câu cảm thán
 - Câu cảm thán, câu cầu khiến
 - Câu cầu khiến, câu nghi vấn
 - Câu nghi vấn, câu trần thuật
7. Dòng nào **không** phải là tác dụng của dấu chấm hỏi trong câu thơ: “Lượm ơi, còn không?” (Tố Hữu)?
- Hỏi để xác minh về sự hi sinh của Lượm
 - Thể hiện tâm trạng đau xót, ngỡ ngàng của nhà thơ
 - Thể hiện điều không muốn tin Lượm đã không còn nữa
 - Thể hiện tình cảm, cảm xúc dâng trào của tác giả
8. Dòng nào **không** phải là chức năng của dấu phẩy?
- Đánh dấu ranh giới giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ
 - Đánh dấu ranh giới giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu; giữa các vế của một câu ghép
 - Đánh dấu ranh giới giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó
 - Đánh dấu ranh giới giữa các câu, các đoạn văn với nhau trong một văn bản

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Đặt dấu câu thích hợp vào chỗ trống /.../ trong đoạn trích sau:

Tôi quắc mắt:

– Sợ gì /.../ Mà bảo tao sợ cái gì /.../ Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa /.../

– Thưa anh /.../ thế thì... hừ hừ... em xin sợ /.../ .Mời anh cứ đùa một mình thôi /.../

(Theo Bài học đường đời đầu tiên)

2. (5 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) miêu tả con đường từ nhà đến trường. Trong đó có sử dụng hợp lí các loại dấu câu: dấu phẩy, dấu chấm than, dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi.

ĐỀ 34

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

1. Văn bản nào thuộc truyện trung đại?

- A. *Thánh Gióng*
- B. *Sự tích Hồ Gươm*
- C. *Con hổ có nghĩa*
- D. *Thầy bói xem voi*

2. Văn bản nào không phải là truyện cổ tích?

- A. *Thạch Sanh*
- B. *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
- C. *Cây bút thần*
- D. *Em bé thông minh*

3. Truyện dân gian, truyện trung đại và truyện hiện đại đều theo phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

- | | |
|------------|--------------|
| A. Miêu tả | B. Biểu cảm |
| C. Tự sự | D. Nghị luận |

4. Các yếu tố chính trong một văn bản tự sự là:

- A. sự việc, nhân vật, cốt truyện
- B. sự việc, cốt truyện, người kể chuyện
- C. nhân vật, cốt truyện, cảm xúc
- D. sự việc, nhân vật, hình ảnh

5. Văn bản nào thuộc thể thơ bốn chữ?
- Đêm nay Bác không ngủ* – Minh Huệ
 - Lượm* – Tố Hữu
 - Mũi Cà Mau* – Xuân Diệu
 - Mưa* – Trần Đăng Khoa
6. Dòng nào **không** thuộc nội dung trong dàn bài một bài văn tự sự?
- Giới thiệu chung về nhân vật, tình huống và sự việc
 - Kể diễn biến của sự việc
 - Kể kết cục của sự việc
 - Tả đối tượng theo một trình tự nhất định
7. Câu nào là câu trần thuật đơn có từ *là*?
- Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp.
 - Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.
 - Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.
 - Tre với người như thế đã mấy nghìn năm.
- (Tre Việt Nam)
8. Câu văn dẫn ở câu 7 có sử dụng phép tu từ nào?
- Nhân hoá
 - So sánh
 - Ẩn dụ
 - Hoán dụ

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá...

(Sông nước Cà Mau)

- Chỉ ra phép so sánh được sử dụng trong các câu văn trên?
- Qua các câu văn trên, tác giả đã miêu tả khái quát về cảnh sông nước Cà Mau như thế nào?

2. (5 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) miêu tả cây phượng khi hè về. Trong đó có sử dụng một phép so sánh, một phép nhân hoá (gạch dưới các phép tu từ đó).

ĐỀ 35

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

... (1) Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. (2) Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. [...] (3) Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. (4) Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm công nghìn việc khác nhau. (5) Tre là cánh tay của người nông dân...

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của tác giả nào?

- A. *Vượt thác* – Võ Quảng
- B. *Cây tre Việt Nam* – Thép Mới
- C. *Tre xanh* – Nguyễn Duy
- D. *Có Tó* – Nguyễn Tuân

2. Nội dung của đoạn văn trên là gì?

- A. Tre sát cánh với con người trong cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước
- B. Tre vẫn là người bạn đồng hành cùng con người trong tương lai
- C. Những phẩm chất đáng quý của cây tre
- D. Tre có mặt khắp nơi, gắn bó với con người trong cuộc sống và lao động

3. Câu (1) của đoạn văn trên sử dụng phép tu từ nào?

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

4. Câu (2) là dạng câu nào?

- A. Câu miêu tả

- B. Câu tồn tại
 - C. Câu trần thuật đơn có từ *là*
 - D. Câu đánh giá
5. Câu nào trong đoạn văn trên là câu trần thuật đơn có từ *là*?
- A. Câu (1)
 - B. Câu (3)
 - C. Câu (4)
 - D. Câu (5)
6. Dấu phẩy trong câu (4) trong đoạn văn trên có tác dụng gì?
- A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép
 - B. Đánh dấu ranh giới giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó
 - C. Đánh dấu ranh giới giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu
 - D. Đánh dấu ranh giới giữa thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ
7. Nếu viết: “Qua đoạn văn trên cho thấy sự gắn bó của cây tre với người nông dân Việt Nam.” thì câu này mắc lỗi gì?
- A. Thiếu vị ngữ
 - B. Thiếu chủ ngữ, vị ngữ
 - C. Thiếu chủ ngữ
 - D. Thiếu một phần của vị ngữ
8. Văn bản nào là văn bản nhật dụng?
- A. *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*
 - B. *Bài học đường đời đầu tiên*
 - C. *Bức tranh của em gái tôi*
 - D. *Buổi học cuối cùng*

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Trong bài thơ *Lượm* (Tố Hữu), tác giả đã gọi Lượm bằng những từ xưng hô nào? Mỗi cách gọi ấy biểu lộ tình cảm của nhà thơ đối với Lượm như thế nào?

2. (5 điểm)

Lớp em có hai bạn trùng tên nhau nhưng mỗi người một vẻ và đều đáng mến. Viết bài văn tả hai người bạn ấy.

ĐỀ 36

(KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM)

I – TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

...Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông...

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của tác giả nào?

- A. Lao xao – Duy Khán
- B. Cô Tô – Nguyễn Tuân
- C. Vượt thác – Võ Quảng
- D. Sông nước Cà Mau – Đoàn Giỏi

2. Thể loại của văn bản đó là gì?

- A. Bút kí
- B. Tùy bút
- C. Truyện ngắn
- D. Kí sự

3. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

4. Dòng nào nêu đúng nội dung chính của đoạn văn trên?

- A. Cảnh đảo Cô Tô sau trận bão

- B. Cảnh mặt trời mọc trên sông nước
C. Cảnh bên cái giếng nước ngọt của đảo Thanh Luân
D. Cảnh mặt trời mọc trên biển
5. Biện pháp nghệ thuật nào được dùng chủ yếu trong đoạn văn trên?
A. So sánh
B. Nhân hoá
C. Hoán dụ
D. Ẩn dụ
6. Câu: “Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết.” là:
A. câu trần thuật đơn có từ *là*.
B. câu trần thuật đơn không có từ *là*.
C. câu định nghĩa.
D. câu tồn tại.
7. Bộ phận in nghiêng của câu “*Sau trận bão*, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.” là thành phần nào?
A. Thành phần chính
B. Thành phần chủ ngữ
C. Thành phần phụ
D. Thành phần vị ngữ
8. Từ “*đường bệ*” được hiểu theo nghĩa nào?
A. Dáng vẻ dũng mãnh, uy nghi, to lớn
B. Dáng vẻ to lớn, vững vàng, uy nghi
C. Dáng vẻ to lớn, cường tráng
D. Dáng vẻ thấp đậm, vững vàng
9. Văn bản nào **không** phải là sáng tác của nhà văn nước ngoài?
A. *Buổi học cuối cùng*
B. *Lòng yêu nước*
C. *Bài học đường đời đầu tiên*
D. *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*
10. Phó từ *vẫn* trong câu: “Tre *vẫn* mang khúc nhạc tâm tình.” bổ sung ý nghĩa gì cho câu?
A. Chỉ sự phủ định

- B. Chỉ sự cầu khiến
- C. Chỉ kết quả và hướng
- D. Chỉ sự tiếp diễn, tương tự

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cho câu thơ:

Rồi Bác đi đêm chẵn.

(Minh Huệ, *Đêm nay Bác không ngủ*)

- a) Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ. Khổ thơ vừa chép kể về lần thức dậy thứ mấy của anh đội viên?
- b) Cảm nhận về tấm lòng của Bác qua khổ thơ trên.

2. (5 điểm)

Có lần được điểm tốt hoặc làm được một việc tốt, về nhà, em khoe với bố (hoặc mẹ). Hãy tả (khoảng một trang giấy) hình ảnh của bố (mẹ) khi nhận được tin vui ấy.

Phần hai

GỢI Ý – ĐÁP ÁN

ĐỀ 1

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	D	D	D	B	C	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Chi tiết tưởng tượng kì ảo là chi tiết không có thật, được sáng tạo nhằm những mục đích nhất định.
- Chi tiết kì ảo trong truyện là chi tiết thần báo mộng cho Lang Liêu (“Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo...”). Đây là chi tiết thần kì làm tăng sức hấp dẫn cho truyện. Trong các lang, chỉ có Lang Liêu là được thần khuyến bảo, giúp đỡ. Chi tiết này còn có ý nghĩa đề cao giá trị của hạt gạo, đề cao nghề nông và thể hiện sự trân trọng sản phẩm lao động do con người làm ra.

2. (5 điểm)

Khi nêu cảm nghĩ về nhân vật Lang Liêu, cần chú ý:

- Cảm nghĩ phải gắn với cuộc đời, phẩm chất của nhân vật. Cần nêu suy nghĩ của mình về các chi tiết: Lang Liêu là người thiết thòi nhất, có tài có đức hơn hẳn các lang khác, chàng là người duy nhất hiểu được ý vua cha khi nhà vua mở cuộc đua tài để chọn người nối ngôi. Chàng cũng là người thực hiện được ý thần, làm ra được lễ vật giàu ý nghĩa để tế lễ Tiên vương.

- Hình ảnh Lang Liêu chăm chỉ lo việc đồng áng, làm ra được hai loại bánh quý thể hiện rõ sự đề cao nghề nông và việc thờ kính Trời Đất, tổ tiên của nhân dân ta. Sâu xa hơn, hình ảnh Lang Liêu còn phản ánh sự tìm tòi sáng tạo và những thành quả của nhân dân ta trong quá trình xây dựng nền văn hoá dân tộc.

ĐỀ 2

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	D	D	B	D	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần nêu được các ý sau:

- Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai biến thành tráng sĩ là để đạt đến sự phi thường (trong quan niệm thời cổ, người anh hùng phải khổng lồ về thể xác, sức mạnh, chiến công).
- Hình tượng Gióng với cái vươn vai thần kì thể hiện sự trưởng thành vượt bậc về tư thế, tâm vóc của dân tộc trước nạn ngoại xâm.

2. (5 điểm)

Cần nêu được ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng:

- Là hình tượng rực rỡ, tiêu biểu của người anh hùng đánh giặc cứu nước.
- Là người anh hùng mang trong mình sức mạnh của cộng đồng buổi đầu dựng nước: sức mạnh của tổ tiên, thần thánh, sức mạnh của tập thể cộng đồng, sức mạnh của thiên nhiên, kĩ thuật,...
- Là biểu tượng đẹp về lòng yêu nước, khả năng và sức mạnh quật khởi của dân tộc.

ĐỀ 3

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	B	C	C	D	D	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

Có thể tham khảo ý kiến sau: Đó là ý kiến đúng, bởi vì: hai vị thần một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, nhưng đồ sính lễ mà vua đưa ra với hai vị thần giống nhau. Đó là những sản vật thuộc vùng Sơn Tinh cai quản, Sơn Tinh sẽ dễ tìm hơn Thuỷ Tinh.

2. (6 điểm)

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những nhân vật tưởng tượng, không phải là nhân vật có thật trong lịch sử. Tuy nhiên, hình tượng nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh lại có ý nghĩa khái quát được hiện tượng lũ lụt và sức mạnh, ước mơ chế ngự thiên tai của nhân dân ta. Từ đó có thể thấy được thái độ, cách đánh giá của người xưa đối với hai nhân vật này:

- Thuỷ Tinh là hiện tượng mưa bão, lũ lụt xảy ra hằng năm, được hình tượng hoá thành kẻ thù hung dữ, kẻ thù truyền kiếp của con người với sức mạnh vô cùng đáng sợ.
- Sơn Tinh là sức mạnh và ước mơ chiến thắng thiên tai của người xưa được hình tượng hoá. Tầm vóc, tài năng và khí phách của Sơn Tinh là biểu tượng cho chiến công của người Việt cổ trong cuộc đấu tranh chống bão lũ ở lưu vực sông Hồng và sông Đà. Sơn Tinh chiến thắng Thuỷ Tinh mặc dù Thuỷ Tinh có sức mạnh ghê gớm, có phép thuật cao cường chứng tỏ niềm tin của người xưa: thiên tai dù có sức tàn phá đến đâu nhưng con người vẫn có thể chế ngự, giành chiến thắng.
- Việc Sơn Tinh trở thành con rể vua Hùng có ý nghĩa đề cao quyền lực của các vua Hùng, đề cao chiến công, kì tích dựng nước của thời đại các vua Hùng.

ĐỀ 4

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	A	C	D	D	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần nêu được ý nghĩa của hình ảnh Rùa Vàng như sau:

- Trong truyền thuyết Việt Nam: Rùa Vàng (thần Kim Quy) thường xuất hiện khi nhân vật gặp khó khăn, để khơi đường chỉ lối, thần có thể tham gia vào công việc trọng đại của đất nước (lấy móng vuốt làm lẫy nỏ cho An Dương Vương đánh giặc) hoặc thực hiện sứ mệnh của tổ tiên giao phó (cho Lê Lợi mượn gương, nhận lại gương thần,...).
- Trong *Sự tích Hồ Gươm*, Rùa Vàng tượng trưng cho tổ tiên, khí thiêng sông núi, tư tưởng, tình cảm, trí tuệ của nhân dân. Ngoài ý nghĩa đó, hình ảnh Rùa Vàng còn có ý nghĩa đề cao, tăng thêm thanh thế cho nghĩa quân Lam Sơn và củng cố uy tín của nhà Lê sau cuộc khởi nghĩa.

2. (5 điểm)

Có thể tham khảo dàn ý sau:

- Mở bài: Long Quân cho nghĩa quân mượn gương thần.
- Thân bài: Diễn biến câu chuyện:
 - + Lê Thận nhận được lưỡi gương dưới biển.
 - + Lê Lợi nhận chuôi gương trên rừng.
 - + Thanh gương thần giúp nghĩa quân đánh tan quân xâm lược.
 - + Long Quân sai Rùa Vàng đòi lại gương thần.
- Kết bài: Từ đó, hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

ĐỀ 5

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	D	C	D	B	D	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Lời văn kể người: câu (1) (giới thiệu tên, họ, lai lịch của Lê Thận).
- Lời văn kể việc: câu (2), (3), (4), (5) (kể hành động, việc làm, kết quả việc làm của Lê Thận).

2. (5 điểm)

Đóng vai bụi tre đằng ngà ở làng Gióng (có thể xưng “tôi” hoặc xưng “ta”) kể lại chuyện về Thánh Gióng từ khi còn là chú bé đến khi trở thành người anh hùng đánh tan giặc Ân rồi bay về trời, cần chú ý một số chi tiết cơ bản trong truyện như sau:

- Khi Gióng còn là chú bé:
 - + Sự ra đời kì lạ của Gióng: mẹ Gióng ướm phải vết chân to ngoài đồng, về nhà thụ thai, ít lâu sau sinh ra Gióng.
 - + Gióng lên ba mà vẫn chẳng nói, chẳng cười.
 - + Khi có sứ giả đến, Gióng bật nói thành tiếng, đòi đi đánh giặc.
- Khi Gióng ra trận:
 - + Gióng mặc áo giáp, cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa.
 - + Tráng sĩ đón đầu giặc, giết hết lớp này đến lớp khác.
 - + Roi sắt gãy, tráng sĩ nhổ tre bên đường đánh giặc.
 - + Giặc thua, giẫm đạp lên nhau chạy trốn.
- Sau khi đánh tan giặc, tráng sĩ cởi bỏ áo giáp sắt, bay về trời.

Lưu ý: Kể theo ngôi thứ nhất, kết hợp kể người, kể việc với bộc lộ cảm xúc của nhân vật, thể hiện thái độ của bụi tre đối với quân xâm lược (căm giận, hả hê trước sự thất bại của quân giặc,...) và tình cảm đối với người anh hùng làng Gióng (tự hào, ngưỡng mộ, ngợi ca,...).

ĐỀ 6

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	B	D	D	A	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Truyện *Thạch Sanh* đã thể hiện ước mơ về cái thiện chiến thắng cái ác của nhân dân thông qua nhiều chi tiết:

- Thạch Sanh giết chết chằn tinh, bắn chết đại bàng, cứu Thái tử con vua Thủy tề và được nhà vua đền ơn.
- Lí Thông gian xảo, độc ác, giả dối,... bị trừng trị thích đáng.
- Thạch Sanh nhân hậu, thật thà, dũng cảm,... được đền đáp xứng đáng: cưới công chúa, được vua nhường ngôi.

2. (5 điểm)

Cần nêu được ý nghĩa của chi tiết trong truyện *Thạch Sanh*:

- “Tiếng đàn thần”:
 - + Tiếng đàn giúp nhân vật được giải oan là tiếng đàn của công lí, giúp nhân dân thể hiện quan điểm và mơ ước về công lí của mình.
 - + Tiếng đàn với khả năng thần kì là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà bình, là vũ khí đặc biệt cảm hoá kẻ thù.
- “Niêu cơm thần”:
 - + Có khả năng thần kì làm kẻ thù phải khâm phục.
 - + Chứng tỏ sự tài giỏi của Thạch Sanh.
 - + Tượng trưng cho tinh thần nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.

ĐỀ 7

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	C	B	A	B	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Tác dụng của hình thức dùng câu đố để thử tài nhân vật trong truyện dân gian:

- Tạo ra thử thách để nhân vật bộc lộ tài năng, phẩm chất.
- Tạo tình huống cho cốt truyện phát triển.
- Gây hứng thú cho người đọc, người nghe.

2. (5 điểm)

Nêu được ý nghĩa truyện cổ tích *Em bé thông minh*:

- Đề cao trí thông minh: Truyện tập trung đề cao kinh nghiệm sống. Nhân vật em bé trong truyện tiêu biểu cho trí khôn và sự thông minh được đúc kết từ đời sống và được vận dụng trong thực tế.
- Đưa ra các yếu tố hài hước, mua vui: Các câu đố và những lời giải đố đều tạo ra những tình huống bất ngờ, thú vị, đem lại tiếng cười vui vẻ. Trong truyện, từ những người bình thường (dân làng) đến vua quan, sứ thần,... đều thua tài em bé. Chuyện em bé nhỏ tuổi, không được học hành lại tài giỏi hơn người lớn, hơn những nhà thông thái, gây bất ngờ làm người đọc hứng thú. Em bé tài trí hơn người nhưng luôn hồn nhiên, ngây thơ trong sự đối đáp.

ĐỀ 8

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	C	D	A	B	A	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Danh từ chỉ sự vật: *hôm, cô út, cơm, chân dỗi, tiếng sáo, cô, cây, chàng trai, võng đào, cành cây, sáo, đàn bò, cỏ.*
- Danh từ chỉ đơn vị: *bụi, chiếc.*

2. (5 điểm)

Cần chỉ ra được:

- Nét tương đồng :
 - + Đều là những nhân vật nhỏ tuổi (Em bé thông minh khoảng bảy, tám tuổi; Mã Lương cũng là em bé mồ côi nhỏ tuổi).
 - + Đều có tài năng hơn người : Em bé vượt qua bốn lần thử thách, lần sau bao giờ cũng khó hơn lần thử thách trước, qua đó bộc lộ sự thông minh, tài trí hơn người; Mã Lương có sự thông minh trời phú, cộng với sự ham mê học vẽ và sự khổ luyện khiến tài năng của Mã Lương vượt hẳn người thường: vẽ chim cá giống như thật, tưởng như cá đang bơi, chim đang hát,...
- Nét khác biệt :
 - + Em bé thông minh thuộc kiểu nhân vật thông minh, thể hiện trí khôn dân gian, trí khôn trong đời sống thực tiễn. Đây không phải là kiểu tài năng kì lạ, siêu phàm như tài năng của nhân vật Mã Lương. Kiểu tài năng này đáp ứng một cách hiệu quả những vấn đề đặt ra trong cuộc sống của nhân dân.
 - + Mã Lương thuộc kiểu nhân vật có tài năng kì lạ, cụ thể là tài năng nghệ thuật kiệt xuất. Đặc điểm của kiểu nhân vật này là có tài năng siêu phàm, nổi bật, luôn dùng tài năng đó để làm việc thiện, chống lại cái ác.

ĐỀ 9

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	C	D	C	D	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Lí Thông là một người vô cùng độc ác, thâm hiểm:
- + Hắn là kẻ lừa lọc, tàn nhẫn: trong truyện, Lí Thông lừa Thạch Sanh 3 lần. Lần thứ nhất: bắt Thạch Sanh canh miếu thờ, thực chất là thế mạng cho mình; lần thứ hai: cướp công Thạch Sanh và lần thứ ba: lấp cửa hang nhằm giết chàng để lấy công chúa.
- + Hắn là kẻ vô cùng xảo quyệt, độc ác: Lí Thông một mặt luôn giả nhân giả nghĩa, ngon ngọt với Thạch Sanh, mặt khác sẵn sàng hãm hại, đẩy Thạch Sanh vào chỗ chết.
- Sự đối lập giữa Thạch Sanh và Lí Thông chính là sự đối lập giữa thật thà và xảo trá; vị tha và ích kỉ, thiện và ác (Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, Lí Thông đại diện cho cái ác). Sự đối lập giữa hai nhân vật này thể hiện thái độ đề cao những người nhân nghĩa, khinh ghét những kẻ độc ác của nhân dân.

2. (5 điểm)

- Nên chọn nhân vật Thạch Sanh nếu phải kể theo ngôi thứ nhất, vì nhân vật này xuất hiện ở mọi lúc, mọi nơi, có thể kể lại mọi sự việc một cách thuận tiện.
- Khi kể lại phần đầu câu chuyện bằng lời kể của nhân vật Thạch Sanh, cần lưu ý:
 - + Mở đầu câu chuyện nên bỏ từ *ngày xưa*.
 - + Không nên để Thạch Sanh xưng “tôi”, mà nên chọn cách xưng phù hợp hơn với nhân vật của truyện cổ tích (xưng “ta”).
- Kể lại phần đầu câu chuyện bằng lời của nhân vật Thạch Sanh (từ đầu đến “Chàng vội vã từ già mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc cây đa”).
- + Nội dung đảm bảo các sự việc chính: Thạch Sanh tự giới thiệu về mình; Thạch Sanh gặp Lí Thông, nhận lời kết nghĩa anh em; mẹ con Lí Thông lừa Thạch Sanh đi canh miếu thờ; Thạch Sanh đến miếu, đánh nhau với chằn tinh, giết chết chằn tinh, lấy được bộ cung tên, đem đầu chằn tinh về nhà; bị Lí Thông lừa và phải đi trốn.

- + Kết hợp kể sự việc với bộc lộ cảm xúc của nhân vật: Thạch Sanh thể hiện tâm trạng như thế nào khi gặp Lí Thông, khi nhận lời canh miếu thờ, khi nhìn thấy chằn tinh, khi giết được chằn tinh, khi bị Lí Thông lừa phải trốn đi.

ĐỀ 10

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	D	C	B	C	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Bài học rút ra qua truyện *Ếch ngồi đáy giếng*:

- Phải cố gắng mở rộng sự hiểu biết của mình dù hoàn cảnh, môi trường sống khó khăn. Phải biết những hạn chế của bản thân mình và biết nhìn xa trông rộng.
- Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Kẻ chủ quan kiêu ngạo dễ bị trả giá đắt, thậm chí bằng cả tính mạng.

2. (5 điểm)

Cần chỉ ra được: các bài học trong hai truyện ngụ ngôn đó có điểm chung và điểm khác biệt:

- Điểm chung: Cả hai truyện đều nêu ra những bài học về nhận thức (tìm hiểu và đánh giá sự vật, hiện tượng), nhắc con người không được chủ quan trong việc nhìn nhận sự việc, hiện tượng xung quanh.
- + *Ếch ngồi đáy giếng*: Con ếch do ở lâu ngày trong hoàn cảnh hạn chế, môi trường nhỏ hẹp nên ít hiểu biết, tầm nhìn hạn hẹp. Sự chủ quan kiêu ngạo của một kẻ ít hiểu biết dẫn đến một kết cục bi thảm: con ếch phải trả giá bằng tính mạng của nó.
- + *Thầy bói xem voi*: Các thầy bói đều mù, chưa biết gì về voi, chỉ xem voi bằng tay (cách xem xét sự vật không phù hợp), nhưng lại bảo thủ, không

nhận ra những sai lầm của mình. Vì vậy, các thầy bói không thể có kết luận đúng về voi, lại còn đánh nhau toạc đầu chảy máu.

Như vậy, cả hai truyện đều nhắc nhở con người không được chủ quan trong việc nhìn nhận sự việc, hiện tượng xung quanh.

– Điểm riêng:

- + *Ếch ngồi đáy giếng*: Là lời nhắc nhở con người không ngừng học hỏi, mở rộng sự hiểu biết, đặc biệt là phải tránh chủ quan kiêu ngạo, coi thường xung quanh, vì sự chủ quan kiêu ngạo sẽ bị trả giá đắt.
- + *Thầy bói xem voi*: Là bài học về phương pháp tìm hiểu sự vật hiện tượng: muốn nhận thức đúng sự vật hiện tượng, cần phải xem xét một cách toàn diện, kỹ lưỡng, bằng cách xem xét phù hợp.

Những điểm riêng của hai truyện bổ trợ cho nhau trong bài học về nhận thức.

ĐỀ 11

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	A	A	C	C	D	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Kể được một số hiện tượng trong cuộc sống và trong học tập ứng với thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng*. Ví dụ: Trong lớp có bạn học rất bình thường nhưng lúc nào cũng cho rằng mình học giỏi, kiêu căng, tự phụ, chê bai các bạn khác.
- Có thể nêu các ví dụ trong cuộc sống, làm ăn, xây dựng kế hoạch,... có biểu hiện giống với thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng*.

2. (5 điểm)

Tham khảo dàn ý sau:

- Mở bài: Giới thiệu người thân mà em định kể là ai? Vì sao em kể về người đó?

- Thân bài:
- + Kể về một vài đặc điểm về sở thích (đọc báo, trồng cây, nấu ăn,...), tính tình (nhân hậu, yêu thương, chăm lo cho mọi người, hay giúp đỡ người khác...) của người đó.
- + Kể về những hoạt động công việc của người thân đó. Công việc ấy có ý nghĩa gì đối với cuộc sống, để lại trong lòng em những ấn tượng, suy nghĩ gì?
- + Đối với em, người thân ấy có vai trò như thế nào (quan tâm, chăm sóc,...). Có thể kể kỉ niệm của em với người thân đó.
- Kết bài: Cảm nghĩ về người thân em đã kể (yêu quý, trân trọng, gắn bó,...).

ĐỀ 12

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	D	B	D	B	D	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Các cụm danh từ: *một con ếch; một giếng nọ; vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ; cả giếng; các con vật kia; một vị chúa tể.*

2. (5 điểm)

- Mở bài: Giới thiệu về người bạn mà em sẽ kể (tên, tuổi, nét nổi bật mà em định kể)
- Thân bài:
- + Kể về hoàn cảnh mà em gặp bạn (do cùng hoạt động văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch...).
- + Kể một vài đặc điểm, sở thích, tính tình của bạn. Ví dụ: học giỏi, chơi thể thao tốt, quan tâm giúp đỡ mọi người xung quanh, nhanh nhẹn, năng động, luôn vui vẻ, hài hước, khi mọi người ở bên cạnh bạn thấy rất vui và thoải mái,...

- + Kể về tình bạn giữa em và bạn: bạn giúp đỡ em trong học tập, rèn luyện bản thân (kể một kỉ niệm cụ thể).
- + Suy nghĩ của em về người bạn mới quen: những điều em học tập được từ bạn.
- Kết bài: Rất yêu quý, trân trọng bạn, cố gắng giữ gìn để tình bạn ngày càng thân thiết hơn.

ĐỀ 13

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	C	A	C	D	B	B

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Phân biệt truyền thuyết và truyện cổ tích:
- + Giống nhau:
 - Đều có các chi tiết hoang đường, tưởng tượng, kì ảo.
 - Có nhiều chi tiết giống nhau: sự ra đời thần kì, nhân vật chính có tài năng phi thường,...
- + Khác nhau:
 - Truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể. Còn truyện cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật nhất định, qua đó thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.
 - Truyền thuyết được cả người kể lẫn người nghe tin là có thật còn truyện cổ tích cả người kể lẫn người nghe thường được xem là những câu chuyện không có thật.

- Phân biệt truyện ngụ ngôn và truyện cười:
- + Giống nhau: Đều có sử dụng yếu tố gây cười.
- + Khác nhau:
 - Truyện cười nhằm mục đích mua vui hoặc phê phán, châm biếm những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống.
 - Truyện ngụ ngôn khuyên nhủ, răn dạy bài học nào đó trong cuộc sống.

2. (5 điểm)

Tưởng tượng ra cuộc so bì hơn thua kịch liệt của các phương tiện tại điểm trông xe dựa trên một số gợi ý sau: mỗi phương tiện đều tự khẳng định ưu điểm của mình và chỉ ra, chê bai những nhược điểm của các phương tiện khác:

- Xe đạp:
 - + Ưu điểm: không gây ô nhiễm môi trường, không tốn nhiên liệu, nhỏ gọn không tốn diện tích, rèn luyện sức khỏe cho con người...
 - + Nhược điểm: tốc độ chậm, không cơ động, chở được ít người.
- Xe máy:
 - + Ưu điểm: có động cơ, tốc độ nhanh hơn xe đạp,...
 - + Nhược điểm: tốn nhiên liệu, gây ô nhiễm môi trường,...
- Ô tô:
 - + Ưu điểm: chở được nhiều người, tránh được mưa nắng, vận tốc nhanh,...
 - + Nhược điểm: tốn nhiên liệu, tốn diện tích, phải học lái một cách bài bản mới có thể lái xe được.

ĐỀ 14

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	D	D	A	C	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Có thể nêu ra bài học từ những truyện ngụ ngôn:

- Trong cuộc sống, phải luôn luôn mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan, kiêu ngạo.
- Khi xem xét các sự vật, hiện tượng phải xem xét một cách toàn diện, tránh lối xem xét phiến diện chỉ thấy được một mặt, hay một khía cạnh nào đó của sự vật.
- Trong một tập thể, các thành viên có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, do đó phải biết hợp tác, tôn trọng lẫn nhau.

2. (5 điểm)

Cần nêu được “điều nhân hậu” mà “tuyệt vời sâu xa” trong truyện cổ tích là:

- Truyện cổ tích thường kết thúc có hậu: người tốt được hưởng hạnh phúc, kẻ xấu bị trừng phạt. Đó là chân lí, lẽ phải, là niềm tin của cha ông ta về cái thiện trong cuộc đời này.

Ví dụ: Truyện *Thạch Sanh*: sau rất nhiều những khó khăn, thử thách: bị lừa gạt, diệt chồn tinh, đại bàng, cứu được công chúa, Thạch Sanh hiền lành, trung hậu đã được hưởng cuộc sống hạnh phúc: được nhà vua gả công chúa và được nhường ngôi; còn mẹ con Lí Thông... là những kẻ gian tham, độc ác bị trừng phạt thích đáng.

- Truyện cổ tích là ước mơ xây dựng một cuộc đời tốt đẹp, giàu lòng nhân ái, người với người sống biết yêu thương nhau hơn. (Chú ý chi tiết “niềm cơm thần”, Thạch Sanh đãi quân sĩ các nước chư hầu khi họ ra đầu hàng trước khi về nước trong truyện *Thạch Sanh*)
- Truyện cổ tích là giấc mơ giữa đời thực nhưng lại giàu ý nghĩa, thanh lọc tâm hồn con người để chúng ta biết vươn lên và luôn làm theo cái thiện...

ĐỀ 15

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	D	D	A	C	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Cốt truyện trong *Con hổ có nghĩa* được triển khai thành ba phần:
- + Phần thứ nhất: Hổ gặp khó khăn (hoặc gặp nạn).
- + Phần thứ hai: Hổ được người giúp đỡ.
- + Phần thứ ba: Hổ tìm cách đền ơn.
- Nhận xét về cách triển khai cốt truyện:
- + Cốt truyện nhìn chung đơn giản, ít nhân vật, ít sự việc, tính cách của nhân vật được khắc hoạ chủ yếu qua lời kể, ngôn ngữ đối thoại, hành động, ít phân tích nội tâm nhân vật.
- + Các sự kiện được triển khai theo trình tự thời gian, sự việc nào xảy ra trước kể trước, sự việc nào xảy ra sau kể sau.

2. (5 điểm)

Cần lưu ý một số chi tiết sau:

- Đóng vai bà đỡ Trần, kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi", hoặc "ta").
- Kể ngắn gọn diễn biến câu chuyện.
- Đảm bảo các sự việc chính của truyện: Hổ đực tới nhà công bà đỡ chạy vào rừng; tới nơi, bà thấy hổ cái đang đau đẻ lăn lộn cào đất, hổ đực cầm tay bà nhỏ nước mắt, bà đỡ giúp hổ cái sinh con; hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, đào bạc tặng bà đỡ và dẫn bà ra khỏi rừng, khi bà đã đi xa, hổ găm lên tiền biệt; bà đỡ về nhà, dùng số bạc sống qua năm mất mùa, đói kém.
- Kết hợp kể sự việc với bộc lộ cảm xúc của nhân vật: tâm trạng của bà đỡ như thế nào khi bị hổ đực lao tới công đi (*sợ đến chết khiếp*); khi nhìn thấy hổ cái (*run sợ tưởng hổ định ăn thịt mình*); khi đỡ đẻ cho hổ và khi được hổ đực tiễn ra khỏi rừng...

ĐỀ 16

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	D	B	A	A	C	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Truyền ca ngợi những phẩm chất cao quý của Thái y lệnh họ Phạm:
- + Có tài chữa bệnh.
- + Có lòng thương yêu người bệnh, toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp cứu người.
- + Không sợ quyền uy, không sợ hệ lụy tới bản thân.
- Có thể cảm phục phẩm chất nào tùy theo cảm nhận riêng, lưu ý: cần nêu được phẩm chất đó thể hiện tài năng đức độ hay tấm lòng “lương y như từ mẫu” của Thái y lệnh họ Phạm.

2. (5 điểm)

Cần đưa ra một số ý cơ bản sau:

- Mở bài: Nêu sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ buồn lòng.
- Thân bài:
 - + Kể về sự việc em lỡ gây ra (ví dụ: do nghịch ngợm, bướng bỉnh hay do vô tâm,... mà em đã để sự việc đó xảy ra khiến cho bố mẹ buồn lòng; sự việc đó diễn ra như thế nào?...).
 - + Kể về thái độ của bố (mẹ) khi biết em gây ra lỗi đó (ng nghiêm khắc hay nhẹ nhàng chỉ ra lỗi đó cho em biết hoặc qua hành động, lời nói của bố (mẹ) mà em nhận ra lỗi đó và quyết tâm sửa chữa...).
- Kết bài:
 - + Nêu suy nghĩ, sự hối lỗi của em với bố (mẹ).
 - + Bài học mà em rút ra qua sự việc này.

ĐỀ 17

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	A	D	B	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

a) Các cụm động từ trong đoạn trích:

Ngài thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp kẻ tật bệnh cơ khổ, ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Dầu bệnh có dăm để máu mủ, ngài cũng không hề né tránh. Bệnh nhân đến chữa tới khi khoẻ mạnh rồi đi. Cứ như vậy trên giường không lúc nào vắng người.

b) Cần nêu nội dung chính của đoạn trích trên bằng một câu văn có chủ ngữ, vị ngữ.

2. (5 điểm)

Tham khảo dàn ý sau:

– Mở bài:

+ Giới thiệu giấc mơ:

+ Hoàn cảnh mơ.

+ Nhân vật dân gian mà mình gặp gỡ trong giấc mơ.

+ Ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ về giấc mơ đó.

– Thân bài:

+ Kể về hoàn cảnh gặp gỡ với nhân vật dân gian:

- Bối cảnh của giấc mơ như thế nào? (Em gặp nhân vật ở đâu? Vào thời gian nào? Tả quang cảnh nơi em gặp nhân vật, có thể là trong rừng, dưới thuy cung,...; tả bầu trời, cây cối, cảnh vật xung quanh đó...)

- Gặp nhân vật dân gian đó như thế nào? (Lúc đầu: ngỡ ngàng, tự hỏi có phải là nhân vật đó không,... sau đó nhận ra và đến chào hỏi); Thái độ của nhân vật khi em gặp gỡ; tả trang phục, nét mặt, giọng nói của nhân vật đó...

- + Kể về nội dung cuộc trò chuyện của mình với nhân vật dân gian đó:
 - Nói về chuyện gì? (cần bám vào nội dung câu chuyện để kể lại, có thể là một cuộc đối thoại giữa mình và nhân vật)
 - Chú ý kết hợp kể và tả thái độ, dáng điệu, cử chỉ, lời nói của nhân vật dân gian trong cuộc nói chuyện.
 - Kể về thái độ, tình cảm, suy nghĩ của bản thân.
- + Khi tỉnh dậy:
 - Lí do tỉnh dậy rồi nhận ra đó là mơ (có thể là chuông đồng hồ, tiếng gà gáy,...).
 - Những hình ảnh, chi tiết, nội dung cuộc gặp gỡ đó vẫn còn in sâu vào tâm trí.
- Kết bài:

Khẳng định tình cảm của mình về nhân vật dân gian đó.

ĐỀ 18

(KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I)

I – TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	C	A	B	B	D	A	D	B	B

II – TỰ LUẬN (7,5 điểm)

1. (3 điểm)

a) Các cụm động từ (gạch chân) có trong đoạn trích:

Nhân buổi ế hàng, năm ông thấy bói ngồi chuyên gấu với nhau. Thấy nào cũng phân nản, không biết hình thù con voi nó thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thấy chung nhau tiến biểu người quán voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thấy thì sờ voi, thấy thì sờ ngà, thấy thì sờ tai, thấy thì sờ chân, thấy thì sờ đuôi.

b) Cần nêu nội dung chính của đoạn trích trên bằng một câu văn có chủ ngữ, vị ngữ.

2. (4,5 điểm)

Cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Kể ngắn gọn diễn biến câu chuyện.
- Đảm bảo các sự việc chính của truyện:
 - + Gióng tự kể sự ra đời của mình.
 - + Hoàn cảnh: bố mẹ nghèo nhưng phúc hậu, mong muốn có con.
 - + Sự ra đời kì lạ: ba tuổi không biết nói, đặt đâu nằm đấy.
 - + Khi nghe sứ giả tìm người tài đánh giặc: Gióng cất tiếng nói đầu tiên đòi được đi đánh giặc.
 - + Khi gặp sứ giả: Gióng yêu cầu ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đi đánh giặc.
 - + Sự lớn lên kì diệu của Gióng: Com ăn bao nhiêu cũng không đủ no, áo vừa may xong đã căng đứt chỉ, bà con làng xóm cùng nuôi Gióng lớn lên và mong Gióng đánh giặc cứu nước.
 - + Khi sứ giả mang roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt,... đến: Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ, nhảy lên ngựa xông thẳng đến nơi có giặc.
 - + Gióng ra trận: Đánh giặc hết lớp này đến lớp khác, khi roi sắt gãy, Gióng nhổ bụi tre bên đường đánh giặc.
 - + Đánh tan giặc Ân: Gióng cùng ngựa sắt bay về trời.

Chú ý, cần kết hợp kể sự việc với bộc lộ cảm xúc của nhân vật: cảm xúc, suy nghĩ của Gióng khi nghe tiếng loa sứ giả gọi, khi ngồi trên lưng ngựa sắt phi ra trận, khi cùng ngựa sắt bay về trời...

ĐỀ 19

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	A	C	D	C	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Miêu tả khuôn mặt người mẹ, cần tả theo trình tự từ bao quát đến cụ thể về hình dáng khuôn mặt, nước da, vầng trán, đôi mắt, cái mũi, khuôn miệng.... (Ví dụ: khuôn mặt tròn, nước da rám nắng, vầng trán cao, đôi mắt ánh lên vẻ hiền từ và khoé mắt đã có nếp nhăn như vết rạn chân chim, cánh mũi thanh tú, khuôn miệng tươi tắn luôn chào hỏi mọi người vốn vã, còn khi buồn ánh mắt và khuôn miệng ấy lại trĩu xuống,...).
- Chú ý có sử dụng một phó từ và chỉ ra phó từ đó.

Ví dụ: *Lúc mẹ buồn ánh mắt cũng buồn theo.*

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có thể trình bày dạng đoạn văn hay bài văn ngắn; đảm bảo đủ độ dài;...
- Biết chọn một trong các nhân vật đã cho để đóng vai kể chuyện.
- Chỉ cần kể phần trò đùa ngỗ nghịch của Đế Mèn trêu chị Cốc gây ra cái chết thảm thương cho Đế Choắt với các ý chính sau:
 - + Lời giới thiệu của nhân vật đóng vai (anh Cò, anh Gọng Vó hay chị Cào Cào,...) đã chứng kiến câu chuyện Đế Mèn nghịch trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Đế Choắt.
 - + Kể diễn biến sự việc: Buổi chiều, khi ao hồ xung quanh nước dâng trắng mênh mông, Đế Mèn thấy chị Cốc đậu gần hang bèn rủ Đế Choắt trêu chị Cốc, Đế Choắt sợ hãi từ chối, Đế Mèn ra oai hát trêu chị Cốc.
 - + Hậu quả sự việc: Chị Cốc tức giận, trút cơn tức lên đầu Đế Choắt; Đế Mèn vô tâm nằm khểnh trong hang cũng khiếp sợ. Khi chị Cốc đi rồi, Đế Mèn chui lên hỏi Đế Choắt và hối hận.
 - + Lời khuyên của Đế Choắt với Đế Mèn trước khi chết, Đế Mèn suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.
 - + Suy nghĩ của nhân vật đóng vai về câu chuyện trên.

ĐỀ 20

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	C	B	A	D	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Phần trích dẫn tả cảnh mua bán ở chợ Năm Căn.

Qua phần trích dẫn, ta hiểu nét độc đáo của chợ Năm Căn là: chợ chủ yếu họp ngay trên sông nước với những nhà bè như những khu phố nổi và những con thuyền bán hàng len lỏi mọi nơi, có thể mua mọi thứ mà không cần bước ra khỏi thuyền. Từ đó, có thể hiểu thêm về một vùng đất tận cùng phía nam Tổ quốc: Chợ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cần xác định tả cảnh chợ nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào? Có thể đi tả từ bao quát đến cụ thể hoặc theo trình tự thời gian.
- Tả cảnh đông vui tấp nập của chợ nói chung rồi miêu tả cụ thể cảnh từng khu bán hàng:
 - + Khu hàng quần áo, hàng hoa quả, hàng ăn, hàng bán thịt, bán cá,... mỗi loại hàng ngồi ở một khu riêng.
 - + Người mua hàng đi lại như mắc cửi, nhiều chỗ phải lách người để đi và cố lắm mới không chạm vào nhau hay chạm vào hàng hoá; người bán hàng chào mời không ngớt lời...
 - + Các loại hàng hoá bày chật trong các gian hàng hay xung quanh người bán: như hàng quần áo treo la liệt các loại quần áo từ trẻ em tới người lớn, hàng hoa quả thì những thùng, rổ, mẹt,... đựng đầy các loại quả; hàng ăn với đủ các loại thức ăn đồ uống từ bình dân đến sang trọng,...; hàng tôm cá đủ loại từ biển đến sông, từ loại lớn đến bé, từ tươi đến đông lạnh,...

- Cần trình bày dạng đoạn văn, đảm bảo đủ độ dài. Chú ý trong đoạn có sử dụng và chỉ ra một hình ảnh so sánh (ví dụ: *người mua, kẻ bán đi lại như mắc cửi, chị bán bún chả ngồi quạt hẹp than mặt đỏ như gấc chín...*).

Lưu ý: HS tùy hoàn cảnh sống có thể chọn miêu tả chợ phù hợp với nơi mình sinh sống như chợ quê hay chợ thành phố...

ĐỀ 21

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	D	A	B	C	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần nêu được cảm nghĩ của mình về tâm trạng của nhân vật:

- Xúc động, cảm thông trước sự ngạc nhiên, hãnh diện, rồi xấu hổ của người anh. Trong cuộc sống, tình cảm chân thành và lòng nhân hậu sẽ giúp con người nhận ra phần hạn chế của mình... Trong câu chuyện này, chính tấm lòng của người em gái đã giúp người anh nhận ra lỗi của mình. Người anh ngạc nhiên vì không ngờ em gái lại vẽ mình; hãnh diện vì trong bức vẽ đó mình hiện lên quá hoàn hảo; xấu hổ vì có những lúc mình đã nghĩ xấu, đối xử chưa tốt với em gái.
- Trong cuộc sống, không nên để thói ghen tị làm mất đi những tình cảm tốt đẹp.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chú trọng tả hình dáng của đối tượng, tránh sa vào tả tính cách hay việc làm vì đề không yêu cầu.
- Lựa chọn đối tượng miêu tả: là người anh (chị) hay em (trai hay gái). Đối tượng cần được giới thiệu cụ thể về tuổi tác, nghề nghiệp, quan hệ với người tả,...

- Trình tự có thể từ bao quát đến cụ thể: dáng người, dáng đi, khuôn mặt,...
Ví dụ, nếu tả về cô em gái đang học tiểu học, chú ý một số chi tiết về dáng người (thanh thanh, hơi gầy hay béo tròn,...), dáng đi (nhẹ nhàng, chạy nhảy nên nhiều khi nó còn hay vấp ngã...), khuôn mặt, nước da, đôi mắt, mái tóc (cắt ngắn cặp chiếc nơ xinh xắn, đôi má lúm đồng tiền,...),...
- Thể hiện được thái độ yêu quý, thân thiết với đối tượng miêu tả.
- Chú ý sử dụng một hình ảnh so sánh trong đoạn (ví dụ: *Chiếc nơ trên mái tóc em tôi xinh như hai cánh bướm; đôi mắt đen láy như hai hạt nhãn;...*)

ĐỀ 22

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	A	D	B	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần đảm bảo một số ý sau:

- Trong câu văn có hai hình ảnh so sánh đan xen, liên tiếp nhau; so sánh dượng Hương Thư *như một pho tượng đồng đúc* và *giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ*.
- Những hình ảnh so sánh đó vừa gợi hình vừa gợi cảm: so sánh dượng Hương Thư *như một pho tượng đồng đúc* gợi tả vóc dáng khoẻ khoắn, vững chãi, mạnh mẽ,... Còn so sánh *dượng Hương Thư giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ* lại gợi tả vẻ đẹp mạnh mẽ, dũng mãnh, tư thế hào hùng của con người trước thiên nhiên. Hình ảnh dượng Hương Thư – một người lao động bình thường, khi vượt thác hiện lên đẹp như vị thần.

2. (5 điểm)

Tham khảo gợi ý sau:

- Tả dáng người mẹ (cao hay thấp, mảnh mai hay đậm người, cử chỉ nhanh nhẹn,...); vẻ mặt của mẹ (trán lấm tấm mồ hôi, mấy sợi tóc maibett lại trên

trán, mẹ luôn nói cười hướng dẫn tôi làm cùng,...), lời nói của mẹ (ôn tồn, nhẹ nhàng,...); tả động tác của mẹ (nhanh nhẹn, tháo vát, bàn tay mẹ làm thoăn thoắt, khéo léo,...).

- Qua đó, thể hiện được tình yêu thương chăm chút của mẹ đối với gia đình và tình yêu, lòng biết ơn của em đối với mẹ.
- Chú ý, trình bày dạng đoạn văn, đảm bảo đủ độ dài, sử dụng một hình ảnh so sánh trong đoạn.

ĐỀ 23

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	B	C	A	D	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Cần chỉ ra một số ý cơ bản sau:

- Đó là hoàn cảnh khi Phrăng được thầy Ha-men nói cho biết đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng.
- Tâm trạng của Phrăng: Khi được biết đây là buổi học cuối cùng Phrăng thấy choáng váng, sững sờ và cậu hiểu nguyên nhân của mọi sự khác lạ trong buổi sáng hôm nay ở lớp học, ở trụ sở xã và trong trang phục của thầy giáo. Cậu thấy nuối tiếc, ân hận về sự lười nhác học tập, ham chơi của mình lâu nay.

2. (5 điểm)

Có thể dựa vào một số gợi ý sau:

- Xác định rõ đối tượng cần tả (thầy giáo hay cô giáo): dạy môn gì?, độ tuổi bao nhiêu?
- Tả về trang phục, vẻ mặt, hành động, lời nói,... của thầy (cô).

Ví dụ: Khi giảng bài, thầy (cô) đều nghiêm túc, tập trung; vui vẻ khi HS trả lời đúng, hiểu bài; nghiêm khắc khi có HS vi phạm lỗi; ánh mắt, nụ cười của thầy (cô) đo lường, hiển từ,...; lời nói rõ ràng, nhẹ nhàng, trầm ấm... giúp HS hiểu bài);...

- Khi miêu tả, cần toát lên nét riêng của đối tượng được tả; qua bài viết nên thể hiện tình cảm của em với thầy (cô) (kính trọng, yêu quý, ngưỡng mộ,...).

ĐỀ 24

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	B	C	A	C	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Cần chỉ ra đầy đủ phép so sánh theo mô hình: Vế A (nêu tên sự vật, sự việc được so sánh); Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế A); Từ ngữ chỉ phương diện so sánh; Từ so sánh.
- Ý nghĩa của hình ảnh so sánh: hình ảnh chân thực mà bay bổng qua cái nhìn đầy xúc động của anh đội viên, trong trạng thái mơ màng như trong giấc mộng, anh đội viên cảm nhận được sự lớn lao, cao đẹp lại hết sức gần gũi, sưởi ấm lòng anh hơn cả ngọn lửa hồng...

2. (5 điểm)

- Cần xác định kể theo ngôi thứ nhất: anh đội viên xưng “tôi” và kể lại câu chuyện.
- Khi kể, cần bám sát các chi tiết về lần thứ ba thức dậy của anh: chú ý khung cảnh trong rừng khuya, khi thức dậy, anh hốt hoảng vì thấy Bác vẫn ngồi bên bếp lửa, anh mời Bác đi ngủ, Bác ân cần trả lời anh; và khi hiểu tấm lòng bao la của Bác, anh vui sướng, hạnh phúc được thức cùng Bác, phần nào chia sẻ những lo toan với Bác...

ĐỀ 25

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	D	B	A	C	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

a) Chọn từ “nằm”.

b) Dùng từ “nằm” có tác dụng làm cho ý của câu thơ nhằm tránh đi sự đau buồn: vừa gợi cảm giác ngã xuống – chỉ sự hi sinh, vừa gợi sự nghỉ ngơi thanh thản của Lượm. Lượm như đang nằm để ngủ giữa đồng lúa quê hương... Để sau đó tác giả và người đọc có thể suy nghĩ sự bất tử của Lượm.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Trình tự miêu tả có thể theo thời gian, không gian hay từ bao quát đến cụ thể. Ví dụ, trình tự thời gian: cảnh trước cơn mưa, trong cơn mưa, sau khi mưa. Đoạn văn ngắn nên tập trung tả cảnh cơn mưa với một vài cảnh vật xung quanh thật tiêu biểu (mây đen, gió thổi, âm thanh tiếng mưa, con đường mưa, mọi người trú mưa,...).
- Trong đoạn có dùng và chỉ ra một hình ảnh so sánh (ví dụ: *mưa đổ xuống như thác nước; trời quang, nền trời trong sáng như vừa được gột rửa*).

ĐỀ 26

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	B	B	B	D	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- a) Hình ảnh hoán dụ: *thùng, cong, gánh* để chỉ người gánh nước.
- b) Câu văn chứng tỏ sự độc đáo trong cách dùng từ ngữ và vốn từ ngữ phong phú của Nguyễn Tuân. Hoán dụ (như trên đã phân tích) cùng với cách dùng hai từ *và* để nối các chủ ngữ; cách dùng từ láy toàn phần: *đi đi, về về* đã gợi được không khí tấp nập, nhộn nhịp của cảnh sinh hoạt của dân chài trên đảo.

2. (5 điểm)

Cần chú ý miêu tả một số chi tiết đặc trưng của cảnh bình minh trên biển như mặt trời, màu nước biển, sóng biển, bãi cát, những con thuyền đánh cá xa khơi,... Lưu ý, sử dụng những hình ảnh so sánh và nhân hoá.

ĐỀ 27

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	B	A	A	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- a) Câu văn văng thành phần: chủ ngữ.
- b) Cách viết này thể hiện sự độc đáo trong cách dùng câu chữ của Nguyễn Tuân. Tác giả muốn thể hiện hành động được nói trong vị ngữ là của chung mọi người, tình yêu mến đối với hòn đảo là tình yêu của tất cả mọi người.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cần tả hình dáng, khuôn mặt, tính tình,... của người bạn đó. (Ví dụ: cần lựa chọn nét tiêu biểu để tả như: hình dáng (béo tròn, thấp hay thanh mảnh, cao gầy), khuôn mặt (tròn, vuông, dài, trái xoan,...), nước da (bánh mật, trắng hồng hay rám nắng,...), tóc (dài, ngắn,...), tính tình (vui tính hay cười đùa;

khi học hay làm bài thì rất nghiêm túc; mỗi khi gặp việc gì khó khăn bạn quyết tâm làm không bao giờ bỏ giữa chừng,...).

- Chú ý chọn một câu văn và chỉ ra hai thành phần chính trong đó.

ĐỀ 28

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	A	B	C	D	C	C

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Câu văn chỉ có hai dấu phẩy ngăn cách nhưng khi đọc có nhịp: 3/ 3/ 4/ 3; Nhịp đều như vậy cùng với vần “ay” lặp lại 4 lần diễn tả được nhịp quay đều đặn, chậm rãi và nhẩn nại của cối xay tre. Nhịp quay, nhịp xay ấy đã tồn tại bao đời gắn bó với bao thế hệ người Việt.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giới thiệu chung về cây tre: loại cây thân thuộc của làng quê Việt Nam, của người nông dân, của tuổi thơ ở làng quê.
- Tả bao quát về cây tre: màu sắc, hình dáng,... sau đó đi vào tả một số đặc điểm cụ thể của cây tre. Ví dụ: Tre thường sống thành bụi, lũy, hàng, không sống đơn độc; màu xanh tươi cả thân, cành, lá (lá tre mỏng, nhỏ, thân tre vươn thẳng, một cây có nhiều đốt, các cành tre vươn ngang, cành của các cây trong bụi đan vào nhau, quấn quýt lấy nhau),...
- Tre gắn bó với cuộc sống nơi làng quê của người Việt Nam: tre được dùng làm rất nhiều đồ dùng quen thuộc, nhất là ở vùng thôn quê: làm nhà, làm giường, ghế,... làm rổ, rá, nong, nia,...
- Khi viết, nên thể hiện tình cảm của em với cây tre.
- Chú ý trong đoạn có sử dụng và chỉ ra một câu trần thuật đơn, một câu trần thuật đơn có từ là.

ĐỀ 29

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	C	A	C	C	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

Ví dụ:

- Hoa gạo nở đỏ rực một góc trời.
- Góc cây gạo là nơi chứa bao kỉ niệm tuổi thơ.
- Cây gạo là người bạn thân thiết của em.

2. (6 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chọn đối tượng miêu tả, trình tự: từ bao quát đến cụ thể hay từ xa đến gần...
Cần nắm bắt được nét tiêu biểu của cảnh để tả.

Ví dụ: Tả cánh đồng lúa quê em khi chín vàng:

- + Cần tả bao quát cả cánh đồng (như một biển vàng, mùi thơm mát ngọt ngào, rập rờn những cánh cò trắng), khi đến gần tả thân cây lúa, lá lúa, bông lúa trĩu nặng vàng ươm, hạt lúa mẩy căng tròn hứa hẹn vụ mùa bội thu;...
- + Cần thể hiện tình cảm của em với đồng lúa quê hương (gắn gũi, thân thuộc,...). Cảm thấy yêu quý những con người “một nắng hai sương” đã làm ra hạt gạo dẻo thơm cho mọi người...
- Chú ý, trong đoạn văn sử dụng một hình ảnh so sánh, một hình ảnh nhân hoá sao cho phù hợp.

ĐỀ 30

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	D	A	C	D	B

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (2 điểm)

- Câu văn mắc lỗi thiếu chủ ngữ; có thể sửa bằng cách: thêm chủ ngữ, dùng dấu phẩy ngăn cách trạng ngữ với nòng cốt câu.
- Có thể viết tiếp sau câu đã sửa đúng một hoặc hai câu văn miêu tả theo gợi ý sau:
 - Sông ngòi, kênh rạch bủa giăng chi chít như mạng nhện...
 - Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước âm ỉm ngày đêm đổ ra biển...

2. (6 điểm)

Cần đảm bảo các ý chính sau:

- Cây bàng khi mùa xuân về (nêu cụ thể: cây bàng ở sân trường hay góc phố...).
- Cây bàng như bừng tỉnh sau giấc ngủ mùa đông:
 - Đầu tiên xuất hiện vô vàn chấm xanh nho nhỏ ở các kẽ của những cành bàng trơ trụi đen sì...
 - Chúng lớn lên từng ngày: bằng đầu ngón tay út, đầu ngón tay cái rồi bằng quả trứng xinh xinh với màu xanh tươi nõn nà...
 - Cuối cùng tung ra vô số búp non. Lá bàng xuất hiện dần: bằng bàn tay em bé, bàn tay lũ học trò, rồi bàn tay người lớn... theo đó màu xanh đậm dần.
- Nêu cảm nhận của em về cây bàng: yêu và thích thú ngắm nhìn cây bàng mỗi khi xuân về....

ĐỀ 31

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	C	D	B	A	B

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Đoạn văn tả cảnh đầm nước qua con mắt của nhân vật Dế Mèn – nhân vật “tôi”.
- Qua đoạn văn, có thể hiểu nhân vật Dế Mèn đã có cảm nhận tinh tế, sâu sắc và đầy cảm thông với các “cư dân” vùng đầm nước những ngày mưa ngập nước: cò, sếu, vạc, cốc, le,... tụ tập đông đúc và suốt ngày kiếm mồi và vì mưu sinh, họ cải cộ om bốn góc đầm, anh Cò gầy vêu vao lợi bùn tím cả chân mà chẳng được miếng mồi nào... Qua những quan sát và suy nghĩ của Dế Mèn: “khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi” có thể thấy Dế Mèn biết quan tâm, cảm thông với cuộc sống khó nhọc, vất vả của những cư dân xung quanh mình.

2. (5 điểm)

Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Miêu tả sáng tạo (dựa vào tác phẩm có sẵn để miêu tả nhân vật).
- Nội dung: Tả lại hình ảnh nhân vật Kiều Phương, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật và tình cảm của người tả.

Có thể tham khảo các ý sau:

- + Giới thiệu nhân vật định tả (Kiều Phương – nhân vật chính trong truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* của Tạ Duy Anh).
- + Miêu tả về ngoại hình của nhân vật: Kiều Phương được người anh gọi là Mèo, khuôn mặt tròn tròn, đôi mắt long lanh ánh lên vẻ tinh nghịch thích khám phá, hai bím tóc tết có buộc hai nơ hình cánh bướm xinh xinh; mặt cho đến quần áo của nó luôn lấm lem nhem các màu vẽ...
- + Miêu tả về hoạt động của nhân vật: Kiều Phương hay lục lọi lung tung, rất thích và ham mê vẽ, hì hụi pha màu, chế các màu với nhau, vẽ tất cả mọi thứ xung quanh mình với tất cả sự thích thú.....

- + Tưởng tượng và tả về tâm trạng của nhân vật khi vẽ bức tranh về người anh: Dù người anh có bức tức, ghen tị, xa lánh trước tài năng của Kiều Phương nhưng nó đã vẽ anh trai với tâm hồn trong sáng, tấm lòng nhân hậu.
- + Cảm nghĩ của người viết về Kiều Phương: Yêu mến và cảm phục tài năng và tâm hồn của Kiều Phương.

ĐỀ 32

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	B	A	A	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- a) Xem cách giải thích từ *kí ức* trong *Ngữ văn 6*, tập hai, trang 138.
- b) Đất đai, cánh rừng (lá cây, bờ cát, hạt sương,...), bãi đất hoang, tiếng côn trùng,... đều thiêng liêng, gần gũi, gần bó với người da đỏ nên họ không dễ gì xa chúng và bán chúng đi.
- c) Để nhấn mạnh điều đó, tác giả đã dùng nghệ thuật nhân hoá và điệp ngữ.

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo các phần của lá đơn:
- + Quốc hiệu, tiêu ngữ.
- + Đơn gửi ai? (Ban Giám hiệu Trường THCS X...).
- + Ai gửi đơn? (Họ tên, lớp học, là HS Trường THCS X...).
- + Gửi đơn để đề đạt nguyện vọng gì?

(Cần nêu rõ nguyện vọng: xin gia nhập Câu lạc bộ bảo vệ môi trường do nhà trường thành lập; nêu rõ mục đích: góp phần bảo vệ môi trường sống...; lời cam kết thực hiện tốt nội quy của câu lạc bộ...).

- + Lời cảm ơn, kí và ghi rõ họ tên.
- Hình thức trình bày trang trọng, ngắn gọn, rõ ràng theo các mục đã quy định.

ĐỀ 33

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	A	D	B	A	D

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

Tham khảo cách diễn các dấu câu như sau:

Tôi quắc mắt:

– Sợ gì? Mà bảo tao sợ cái gì? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!

– Thưa anh, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

(Ngữ văn 6, tập hai, trang 6 – 7)

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giới thiệu đối tượng miêu tả: tả một con đường từ nhà đến trường.
- Cần chú ý tả cảnh từ bao quát đến cụ thể hay từ xa đến gần... làm hiện lên vẻ đẹp riêng của con đường; bộc lộ tình cảm với con đường đó.
- Nêu cảm nghĩ của em với con đường quê hương đó.
- Chú ý dùng đúng các loại dấu câu: dấu phẩy, dấu chấm than, dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi cho phù hợp.

ĐỀ 34

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	A	B	D	B	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Phép so sánh: “Sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện”.
- Khái quát cảnh sông nước Cà Mau: Không gian rộng mênh mông của vùng đất; sông ngòi, kênh rạch rất nhiều, chằng chịt, đan xen nhau; bao trùm, bắt ngát là màu xanh của trời, nước, rừng cây...

2. (5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giới thiệu đối tượng miêu tả: Cây phượng ở sân trường, góc phố, đầu làng...) vào thời điểm khi hè về.
- Tả từ bao quát đến cụ thể hay từ xa đến gần... làm hiện lên đặc trưng của cây khi hè về (chú ý miêu tả về lá phượng, hoa phượng (nở thành chùm, cánh như cánh bướm, màu đỏ hồng có những vạch trắng như sợi chỉ ở cánh hoa, nhị hoa dài màu vàng, đài hoa xanh, những cánh đỏ đỏ lấp ló lộ ra ngoài lớp áo màu xanh của đài hoa; từng chùm hoa phượng nở tung, cả cây phượng như một chiếc ô lửa khổng lồ rực rỡ dưới nắng hè,...).
- Khi tả, cần bộc lộ tình cảm với cây phượng (gắn bó kỉ niệm thơ ấu, là biểu tượng hoa học trò,...).
- Chú ý, sử dụng phép so sánh, nhân hoá (chỉ ra các phép tu từ đó).

ĐỀ 35

I – TRẮC NGHIỆM (2 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	A	B	D	C	C	A

II – TỰ LUẬN (8 điểm)

1. (3 điểm)

- Người kể chuyện gọi Lượm bằng nhiều đại từ xưng hô khác nhau: *chú bé, cháu, Lượm, chú đồng chí nhỏ*. Mỗi cách gọi đều biểu lộ tình cảm của tác giả đối với Lượm:

- + *Chú bé*: cách gọi thân mật của người lớn tuổi với em trai nhỏ nhưng chưa ở mức độ thân thiết.
- + *Cháu* : cách gọi thể hiện tình cảm gần gũi, thân thiết, trù mến như quan hệ ruột thịt của người lớn tuổi với người ít tuổi hơn.
- + *Chú đồng chí nhỏ*: cách gọi thể hiện sự thân thiết, trù mến mà trang trọng đối với một chiến sĩ nhỏ.
- + *Lượm*: cách gọi thể hiện tình cảm lên cao độ khi nghe tin Lượm hi sinh.
- Đau đớn, ghen ngào, sững sờ (*Ra thế / Lượm ơi!...; Thôi rồi, Lượm ơi!*); suy nghĩ về sự còn, mất của Lượm (*Lượm ơi, còn không?*).

2. (5 điểm)

Tham khảo dàn ý sau:

- + Mở bài: Có thể giới thiệu trực tiếp hay gián tiếp đối tượng được miêu tả: hai người bạn ở lớp em trùng tên nhưng mỗi người một vẻ (về ngoại hình, tính tình,...) và đều đáng mến.
- + Thân bài: Chọn một trình tự hợp lí để tả về hai người bạn đó (có thể tả từng người hay tả cả hai người theo các ý: hình dáng, khuôn mặt, tính nết,...). Ví dụ:
 - Tả người bạn thứ nhất: dáng người cao, gầy; khuôn mặt dài, xương; nước da trắng hồng; dáng đi nhanh nhẹn; tính tình nhút nhát,... nhưng tốt bụng hay giúp đỡ bạn bè.
 - Tả người bạn thứ hai: dáng người thấp, đậm; khuôn mặt tròn; nước da bánh mật; dáng đi có phần chậm hơn bạn trước; tính tình sôi nổi, nhiệt tình,... là một cán bộ lớp năng động, luôn gương mẫu trong các việc làm, quan tâm đến mọi người.
- + Kết bài: Nêu cảm nghĩ chung về hai người bạn : yêu quý, nhớ mãi hai người bạn trùng tên mà mỗi người một vẻ.

ĐỀ 36

(KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM)

I – TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm, mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	C	D	A	B	C	B	C	D

II – TỰ LUẬN (7,5 điểm)

1. (3 điểm)

- Chép chính xác ba câu thơ. Khổ thơ kể về lần thức dậy thứ nhất của anh đội viên.
- Chú ý tập trung vào ý của khổ thơ, có thể trình bày đoạn văn với nội dung cơ bản như sau:
 - Trong lần thức dậy thứ nhất, anh đội viên xúc động khi chứng kiến cảnh Bác Hồ đi “dém chăn” cho các chiến sĩ với những bước chân nhẹ nhàng, ân cần chu đáo, không làm họ giật mình thức giấc... Người đọc cảm phục, yêu thương và kính trọng Bác. Hình ảnh Bác vừa gần gũi vừa vĩ đại.

2. (4,5 điểm)

Cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Xác định đúng thể loại: văn tả người.
- Có thể nêu một số ý cơ bản:
 - Xác định đối tượng miêu tả (bố hay mẹ) trong hoàn cảnh cụ thể: khi nhận tin em được điểm tốt hoặc làm được việc tốt.
 - Cần miêu tả các chi tiết về ngoại hình như vẻ mặt, dáng điệu, việc làm, thái độ, lời nói,... khi biết em được điểm tốt hoặc làm được việc tốt.
 - Nêu suy nghĩ về hình ảnh của bố (mẹ) và tự nhủ sẽ sống tốt hơn để bố mẹ vui lòng.

Phần ba

MỘT SỐ BÀI VĂN (ĐOẠN VĂN) CỦA HỌC SINH

Đề bài: Bụi tre đằng ngà ở làng Gióng (trong truyện “Thánh Gióng”) đã chứng kiến hình ảnh chú bé Gióng thành người anh hùng đánh tan giặc Ân rồi về trời. Thay lời bụi tre kể lại (khoảng một trang giấy) những sự việc đó.

(Câu 2, Đề 5, phần Tự luận)

Bài văn tham khảo

Rì rào... Rì rào... Ta là bụi tre đằng ngà ở làng Gióng. Ta đã chứng kiến cả cuộc đời oanh liệt của người anh hùng làng Gióng, từ khi Gióng còn là một chú bé đầu để chỏm đến khi vươn vai thành tráng sĩ, đánh tan giặc Ân rồi bay về trời.

Thuở ấy là đời Hùng Vương thứ sáu ở làng Gióng. Trong làng có hai vợ chồng ông lão. Bà lão ăn ở hiền lành, phúc đức, chăm chỉ nhưng lại hiếm muộn chưa có một mụn con nào. Ta ở đây cũng mong cho nhà họ có tiếng trẻ con để căn nhà đỡ phần hiu quạnh, buồn tẻ. Thế rồi một hôm, bà lão ra đồng ướm phải một vết chân to, về nhà thụ thai rồi mười hai tháng sau sinh hạ một cậu bé khôi ngô, khác khĩnh. Hai vợ chồng ông lão mừng lắm. Ta cũng thấy vui lây. Thời gian thấm thoát thoi đưa, Gióng đã lên ba nhưng vẫn chẳng nói, chẳng cười làm ông bà lão và cả ta đều thấy sốt ruột.

Lúc bấy giờ, giặc Ân xâm lược nước ta. Chúng đốt nhà, giết chóc, làm nơi nơi lấm than, người người oán thán. Vua Hùng thấy nguy bèn cho sứ giả đi tìm người tài cứu nước. Nghe tiếng sứ giả loan truyền, Gióng vội bật nói thành tiếng, đòi mẹ đi mời sứ giả về. Gió đưa lời chú bé ba tuổi ấy đến tai ta. Ta nghe thấy tiếng đồng đặc của chú bé: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và

một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này.”. Ta nghe mà thấy phục thay cho một chú bé đầu còn để chỏm đã có lòng yêu nước và dũng cảm như vậy. Ta cảm động quá! Từ khi gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi, cơm ăn không đủ no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ. Dân làng vui vẻ, hồ hởi gom góp gạo cơm nuôi chú bé. Ta cũng vui quá. Rì rào... Rì rào... Ai cũng mong chú bé đánh được giặc, cứu được đất nước. Giặc đã đến chân núi Trâu thì vừa lúc ấy sứ giả cũng mang ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt tới. Gióng vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt, tiếng hô vang rền như sấm. Người tráng sĩ nhảy lên mình ngựa. Ngựa thét ra lửa và hùng dũng xông ra mặt trận. Tráng sĩ lao mình vun vút như gió, quét chết hàng vạn quân giặc, oai dũng vô cùng. Ta và dân làng đều hồi hộp, chờ Gióng đem chiến công về. Giặc chết như ngả rạ, giẫm đạp lên nhau tìm đường chạy trốn. Ngựa sắt phun lửa, thiêu cháy cả một vùng. Lửa lăn xả thiêu chết bè lũ xâm lược. Lửa lan tới ta nhưng ta chịu được nên sau này, thân ta lại hoá màu vàng óng ả. Đang bất ngờ vì bị thiêu đốt, ta lại càng hoảng hốt khi anh bụi tre bên phía đông bị nhổ bật gốc – thì ra là roi gãy, Gióng nhổ bụi tre đó tiếp tục đánh giặc. Sau khi đánh tan giặc, tráng sĩ cởi bỏ áo giáp sắt, bay về trời.

Đánh đuổi hết quân xâm lược, Gióng được người người biết ơn. Vua Hùng đã lập đền thờ và phong cho Gióng là Phù Đổng Thiên Vương. Ta thật tự hào là bụi tre đằng ngà nơi sinh ra người anh hùng Thánh Gióng.

(Mai Hoa, Trường THCS Phương Mai)

Đề bài: Kể lại (khoảng một trang giấy) một sự việc em lỡ gây ra khiến bố mẹ buồn lòng.

(Câu 2, Đề 16, phần Tự luận)

Bài văn tham khảo 1

Hồi nhỏ, tôi là một cô bé nghịch ngợm và ương bướng, đã nhiều lần làm bố mẹ buồn lòng. Nhưng có một câu chuyện đã đi theo tôi mãi và chính tình cảm của bố mẹ lúc đó đã giúp tôi nhận ra lỗi lầm.

Hồi đó, tôi nổi tiếng danh đá nhất nhì trong xóm. Bố mẹ đã nhắc nhở tôi nhiều nhưng tôi không sợ mà còn hãnh diện vì tài năng của mình. Tôi thường chơi với

bọn con trai và tôi rất ghét mấy đứa con gái hay nhõng nhẽo, hơi một tí là khóc nhè. Nhưng Đan – bạn hàng xóm của tôi thì khác. Dù bằng tuổi tôi nhưng Đan thấp hơn tôi một cái đầu. Đan rất ngoan, lại dịu dàng, thế mà hai chúng tôi chơi rất thân. Một hôm, tôi đi chơi cùng Đan. Đan rủ tôi đi mua cặp nơ bằng tiền dành dụm của bạn. Nhìn đôi nơ xinh xắn, dù chẳng thích nhưng tôi vẫn thấy ghen với Đan. Vết hết tiền cũng chưa mua được nửa chiếc, tôi bèn nghĩ kế. Đan lấy chiếc lược nhỏ ra nhờ tôi buộc tóc, cài nơ giúp. Sau đó, hai chúng tôi ra về. Đan vừa đi vừa hát vui vẻ, còn tôi suốt dọc đường chỉ im lặng. Chợt, chớp lấy cơ hội, tôi liền nhanh tay giật lấy hai chiếc cặp nơ trên tóc bạn rồi chạy vụt về nhà, vào phòng khoá chặt. Bố mẹ cũng chẳng hiểu chuyện gì. Tôi biết Đan đã khóc, gọi tôi và cố đuổi theo nhưng không được. Độ nửa tiếng sau, tôi thấy cô Đào, mẹ Đan sang nói chuyện với bố mẹ tôi. Tôi biết ba người đang nói chuyện gì. Tôi thầm ghét Đan và cô Đào. Nhưng tôi chẳng sợ. Tôi nghĩ bố sẽ mắng và đánh tôi vài cái. Còn mẹ, mẹ sẽ dỗ dành tôi. Nhưng cả chiều, cả tối chẳng ai lên gọi tôi cả. Chưa có gì vào bụng, tôi đói meo. Buổi tối, biết cả nhà đã ăn cơm xong, tôi lén xuống bếp kiếm gì đó ăn. Vừa mở tủ lạnh thì nghe tiếng bố:

– Thảo, lại đây bố bảo!

Tôi im lặng.

– Thôi ra đi, con chuột ăn vụng!

Tôi ra ngoài phòng khách với vẻ mặt vênh vênh. Chợt thấy bố nhìn tôi với ánh mắt lạnh lùng, mẹ rầu rĩ, tôi chợt dạ và bắt đầu lo sợ.

– Chiều nay con đã làm gì?

Bố hỏi với giọng nghiêm khắc. Tôi băng quơ:

– Con đi chơi ạ!

– Làm gì? – Bố gằn giọng.

Tôi không nói gì. Bố quát lên:

– Trả lời mau!

– Dạ... dạ. – Tôi ấp úng.

Mẹ vừa lúc đó đi tới, nói với bố:

– Bố nó cứ từ từ! Để mẹ hỏi xem nào!

Rồi mẹ quay sang tôi, nhẹ nhàng:

– Con kể lại cho bố mẹ nghe đi! Đừng sợ!

Tôi bật khóc, kể lại hết đầu đuôi. Bố mẹ không nói gì. Mẹ còn đi hâm lại cơm cho tôi ăn. Lúc đó tôi sợ hãi và lo lắng biết chừng nào. Sau đó, mẹ bảo tôi đi tắm rồi lên ngủ. Đêm đó, tôi trần trọc suy nghĩ mãi, rồi tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Tôi còn nhớ, lúc ngủ say, hình như có một bàn tay vuốt ve mái tóc tôi – một bàn tay khô ráp và cũng rất mềm mại.

Sáng hôm sau, mẹ dắt tôi đi mua sắm. Mẹ mua cho tôi quần áo, dây nơ, váy,... Những thứ mà tôi đã ghét cay ghét đắng, vứt đầy xó tù mà giờ tôi thấy thích thế. Về nhà, tôi thấy bố mua cho tôi rất nhiều đồ hàng, búp bê thay cho đồng bóng bánh kia của tôi. Bố mẹ cùng tôi dọn dẹp tủ đồ. Máy bộ đồ gỗ ngổ ngáo, mấy quyển truyện tranh linh tinh, bố đóng hết vào thùng. Thay vào đó là mấy thứ mẹ mới mua. Mẹ nói:

– Con phải tập làm con gái đi!

Đến buổi chiều, mẹ cho tôi diện bộ váy đẹp nhất, buộc nơ trang điểm cho mái tóc tôi. Rồi mẹ bảo tôi lấy hai chiếc cặp nơ hôm qua của Đan, gói cùng chiếc váy khác. Mẹ dẫn tôi sang nhà Đan, bảo tôi xin lỗi bạn. Tôi cảm thấy thật xấu hổ. Nhìn tôi đỏ mặt ấp úng, mẹ và cô Đào bật cười. Còn Đan ôm chầm lấy tôi mà hôn “chụt” một cái. Chiều hôm đó, mẹ và cô Đào đưa tôi và Đan đi chơi. Tối về, thấy bố ngồi chờ sẵn, vẻ mặt nghiêm khắc: (lúc đó tôi sợ lắm)

– Sao hai mẹ con đi chơi để “ông già” ở nhà một mình?

Tôi hú hồn, cả nhà đều cười rộ.

Nhắc lại câu chuyện, tôi ân hận vô cùng, nhưng mọi chuyện cũng đã qua rồi. Giờ đây tôi đã biết suy nghĩ chín chắn hơn. Cuối cùng, tôi thâm cảm ơn bố mẹ đã dạy cho tôi bài học quý giá – bài học làm người.

(Khánh Ly, Trường THCS Phương Mai)

Bài văn tham khảo 2

Trong kí ức của tôi, hình ảnh bố mẹ mãi mãi là đẹp nhất. Tôi đã luôn tự hứa với mình rằng sẽ không bao giờ làm bố mẹ phải buồn phiền, nhưng chính tôi đã không làm được lời hứa đó.

Bố thường kể cho tôi nghe những câu chuyện về cuộc sống của bố vào thời kì chiến tranh ác liệt. Những câu chuyện “ban đêm bố phải nằm ngủ trong chiếc chiếu cói xơ xác mặc dù ngoài trời rét căm căm, ban ngày bố lặn lội bắt tôm cua dưới trời nắng gay gắt, chốc chốc phải trông chừng máy bay của địch lượn trên bầu trời...” rồi cả vô vàn những chuyện khác nữa. Bố cứ ngỡ rằng khi nghe xong câu chuyện này, tôi sẽ rất thích thú và thấm thía những nỗi khổ cực, vất vả của bố mẹ, ông bà tôi đã phải trải qua. Nhưng không, lúc đó tôi không những chẳng hề cảm thông, thấu hiểu mà còn chẳng buồn để ý đến câu chuyện ngày xưa ngày xưa đó, tôi tỏ ra chán nản vô cùng. Năm lần bảy lượt tôi đều có thái độ như vậy và đến lần này, mọi thứ tôi gây ra còn tồi tệ hơn, khi tôi không thể kiên nhẫn hơn, thờ dài một cái và thốt lên: “Ôi trời! Ngày xưa là chuyện ngày xưa. Bây giờ là chuyện bây giờ. Bố cứ nói chuyện đó ra để làm gì?”. Và câu nói ngốc nghếch đó của tôi đã vô tình làm bố bị tổn thương. Tôi không thể tưởng tượng được lúc đó bố tôi thất vọng đến mức nào. Bố sống người, nỗi thất vọng tràn trề cứ dần kéo đến trên khuôn mặt đã khắc sâu dấu thời gian của bố. Tôi biết là mình đã sai nhưng giờ đây tôi không biết phải nói gì với bố cả. Tôi chỉ biết cúi mặt xuống khóc nhưng còn bố, bố sẽ nghĩ sao về tôi? Vẫn cái khuôn mặt thất vọng đó, bố lẳng lặng làm mọi việc mà không để ý đến tôi. Chắc giờ đây bố đang nghĩ rằng: “Bố sẽ không bao giờ tin tưởng ở con nữa”. Lúc đó, người tôi lạnh ngắt, tôi tự trấn tĩnh lại, tôi xin lỗi bố và tôi tin rằng người bố cao cả của tôi sẽ tha lỗi cho tôi.

Đây là một bài học thấm thía đối với tôi. Tôi sẽ không bao giờ, không một lần nào làm cho hình ảnh người đẹp nhất, sáng nhất trong lòng tôi phải buồn lòng nữa!

(Diệu Thuý, Trường THCS Thái Thịnh)

Đề bài: Tưởng tượng và kể lại (khoảng một trang giấy) cuộc gặp gỡ với một nhân vật trong truyện cổ tích mà em đã được học hoặc đọc.

(Câu 2, Đề 17, phần Tự luận)

Bài văn tham khảo

Mỗi khi mơ ước một điều gì đó, thường thì tôi nghĩ đến Tinker Bell – nàng tiên kì diệu xứ Wonder, hoặc nghĩ đến mèo, cún – là những em thú cưng của tôi.

Nhưng là người Việt Nam, yêu thích truyện cổ dân gian, đôi lúc tôi cũng nghĩ đến ông Bụt. Mới rất gần đây thôi, tôi vừa gặp Bụt trong giấc mơ êm đềm.

Ông Bụt xuất hiện từ trong màn sương mù trắng xoá, bỗng bĩnh như bột bóng xà phòng. Vầng hào quang sáng dịu toả ra xung quanh ông như vầng sáng dịu dàng của mặt trăng. Nghĩ đến Bụt là hình dung ra cái gì cũng màu trắng. Bụt luôn là hình ảnh một cụ già râu tóc bạc phơ, ánh lên sắc bạch kim. Phong thái khoan thai, ung dung, từ tốn càng như chậm lại và huyền ảo hơn trong trang phục tuyền một màu trắng thuần khiết.

Bụt tiến lại gần hơn và dừng lại trước mặt tôi. Nhìn kĩ sao Bụt lại giống ông ngoại tôi thế! Khuôn mặt dài, vầng trán cao và rộng, sống mũi cao, hơi gồ, gò má cũng cao và tròn. Râu Bụt dài, nhưng dài hơn râu của ông tôi nhiều, và trắng như cước. Đôi lông mày hình vòng cung, ôm đôi mắt cười hiền hậu. Giọng Bụt trầm ấm.

Tôi chào Bụt và bắt đầu kể những điều ước của tôi và lí do tôi ước chúng. Cái đáng cao cao nhưng hơi cồng xuồng của ông cứ gật gù mỗi khi tôi ngắt hết câu. Khuôn mặt nhiều nếp nhăn thật quen thuộc – vì người già nào cũng thế – cứ giãn ra, co lại theo từng tiếng cười khi ông cười những lí do phiền muộn của tôi. Tôi phàn nàn về đường phố giao thông nguy hiểm, về sự tắc đường liên miên khiến trẻ con chúng tôi sặc sụa khói xe mỗi lần đi học về, về tình trạng ô nhiễm rác thải, về người dân còn vô ý thức, về nạn bạo lực học đường, về những người bạn bí ẩn đến khó hiểu, về sự không công bằng giữa các nhóm trường với các tổ viên trong lớp, về cô giáo chủ nhiệm hay phê bình trong giờ sinh hoạt lớp, về cái cặp sách nặng trĩu cả vai khi đến trường mỗi sáng, về việc bố hay nổi giận vì vô số lí do, mẹ hay thiên vị cậu em và nhiều nhiều điều khác nữa...

Bụt chỉ gật gù. Đôi mắt sáng khác lạ của các vị tiên thỉnh thoảng lại chớp chớp giống hệt cái cách ông ngoại tôi mồi mắt sau khi đọc sách văn hay làm. Bàn tay chống gậy gỗ run run, gõ nhẹ vào lớp sương xung quanh. Bàn tay trái xương xương, hồng hào từ tổn vuốt râu. Bụt cười và nói về những vấn đề của tôi: Tôi nên biết rằng mình may mắn vì vẫn còn có đất nước để sống yên ổn, có nhà để ở, đường bê tông để đi, có cô giáo để dạy dỗ, còn bạn bè dù chưa hiểu nhau nhiều nhưng biết đoàn kết, và còn mẹ để chăm sóc, yêu thương; còn em trai để... ghen tỵ. Tôi chợt hiểu ra Bụt nói đúng. Một lời khuyên thật thấm thía. Nhưng rồi tiếng

chuông đồng hồ báo thức đã làm tôi giật mình. Và rồi “ông ngoại” mỉm cười, vẫy tay chào tôi và biến mất.

Tôi đã hiểu tôi may mắn thế nào khi vẫn đang được sống trong cuộc đời này. Và phải có chút bức tức, mâu thuẫn, tranh cãi thì cuộc sống mới không buồn tẻ, nhàm chán, mới có chuyện để nói, có điều để bận tâm, suy nghĩ,... Và không phải cứ ước, cứ thành tâm và không làm gì thì điều ước sẽ thành sự thật mà phải tự cố gắng, nỗ lực và tin là đang được ông Tiên, ông Bụt giúp thì tự khắc sẽ đạt được điều mong ước bằng chính sức của mình...

(Trần Lê Hạnh Nguyên, Trường THCS Thăng Long)

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) tả hình dáng người anh (chị) hoặc người em mà mình yêu quý.

(Câu 2, Đề 21, phần Tự luận)

Đoạn văn tham khảo

Hôm nay tôi sẽ kể về em tôi cho các bạn biết, tôi “bật mí” điều này nhé: em tôi rất nghịch. Khi mẹ sinh em bé, tôi tròn mười tuổi, lúc đó, tôi chưa hình dung em to hay nhỏ thế nào nên hỏi ông, ông bảo bằng “năm xôi”. Lúc ra thăm mẹ, bác sĩ nói em bé nặng 3 kg, thế mà sao ông lại bảo em bằng “năm xôi” nhỉ? Đến khi được bảy tám tháng, em bắt đầu tập bò, em trườn như đang tập quân sự. Một tháng sau nữa, em đã tập bò được, khi nào mệt, em lại nằm ẹp xuống giữa nền nhà. Bây giờ em đã tròn một tuổi rồi mà vẫn chưa biết đi trong khi những đứa cùng tuổi đã đi được rồi. Cu cậu nghịch lắm, thả nó giữa nền là bò lung tung phá cái này, cái nọ. Ai bế nó, thơm nó là nó ngoạm vào mũi người ta rồi cạp vào đó như vẹt ấy. Tối nào, khi tôi học bài xong, em cũng thích được bế vào phòng tôi rồi nghịch sách vở, bút, thước. Em vẽ trên giấy những nét vẽ ngoặc ngoạc trông thật ngộ nghĩnh. Tôi cho em chơi một lúc rồi mẹ vào dỗ em đi ngủ, em rất thính ngủ, lúc ngủ có ai nói to là dậy ngay. Tôi yêu em bé lắm, nếu các bạn đến chơi nhà tôi chắc cũng yêu em bé như tôi.

(Trần Trọng Cương, Trường THCS Vinh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị)

Đề bài: Tả cảnh bình minh trên biển mà em đã có dịp nhìn ngắm.

(Câu 2, Đề 26, phần Tự luận)

Bài văn tham khảo 1

Biển đẹp nhất vào lúc bình minh. Tôi đã may mắn có dịp được ngắm cảnh bình minh trên biển. Thật tuyệt vời!

Tôi dậy từ từ mờ sáng. Bãi biển vẫn còn tĩnh lặng, chỉ nghe thấy tiếng sóng xô bờ, tiếng gió thoảng qua. Mặt trời dần dần nhú lên, mặt biển bắt đầu sáng rực rỡ. Ban đầu, biển còn xanh thẫm, càng lúc, mặt trời càng nhô lên cao thì nước biển càng lung linh sắc màu. Nước biển trong xanh cùng với màu đỏ rực rỡ của mặt trời tạo nên một màu hồng tuyệt diệu. Bãi cát trải dài vàng óng ả. Sóng vỗ nhịp nhàng như đang nhảy múa để đón chào một ngày mới. Bầu trời xanh điểm một vài đám mây trắng với đủ hình thù. Xa xa, đàn hải âu bay là là xuống mặt biển như muốn đùa giỡn với sóng. Gió thổi nhẹ nhẹ, hoà quyện với mùi vị đậm đà của biển. Mặt trời đã lên, trông mới đầy đặn làm sao! Trông nó như một quả cầu lửa khổng lồ lơ lửng giữa trời mây. Xung quanh tôi là màu xanh biêng biếc của trời nước, màu đỏ của mặt trời, màu vàng mịn màng của bãi cát. Thật hùng vĩ! Cảnh vật bao la, tráng lệ và tinh khiết của biển làm tôi cảm thấy khoan khoái, dễ chịu biết bao. Nghe người dân chài nói, tôi mới biết mấy hôm nọ trời mưa to, mây đen nặng trĩu. Vậy mà bây giờ, biển lại trong sáng đến thế. Mặt trời đã lên cao, cảnh vật lại thay đổi. Mặt trời đã đỏ ửng nhưng nước biển lại càng xanh trong, trông như một tấm gương khổng lồ soi bóng trời mây. Bầu trời cao lồng lộng, bãi cát uốn lượn vòng quanh, đàn chim liệng giữa trời. Tất cả đều phản chiếu trong lòng tấm gương đó. Mọi người ra biển càng nhiều, nhưng ít ai được may mắn như tôi, đã được ngắm cảnh bình minh nơi biển trời này.

Bình minh trên biển thật tuyệt vời. Biển là một điều kì diệu mà tạo hoá ban tặng cho con người. Chúng ta phải biết yêu quý, giữ gìn điều kì diệu đó!

(Khánh Hoàng, Trường THCS Phương Mai)

Bài văn tham khảo 2

Em nhớ mãi lần được ngắm nhìn cảnh mặt trời mọc trên biển Quất Lâm – quê em. Nó đã khắc sâu vào tâm trí để khi nhớ lại em vẫn còn lưu luyến mãi.

Quê em ở biển Quất Lâm. Mỗi khi có dịp nghỉ hè, em thường được bố mẹ đưa về quê chơi. Hôm đó, em dậy từ năm giờ sáng. Đi ra mãi con đê đầu làng rồi chạy

xuống bờ cát, em ngồi trên đó và nhìn mặt trời lên. Và điều em mong đợi rồi cũng đến. Mặt trời nhô lên dần dần từ phía đằng Đông, rồi lên cho kì hết đến khi không còn khuất mảnh nào. Đò rục và tròn trĩnh như một quả cầu lửa, nổi bật trên nền trời xanh thăm thẳm. Quả cầu lửa nhích dần lên và dừng lại một lát như vẫn còn nuối tiếc đường chân trời với nước biển hồng hồng. Chân trời cất lên tiếng hát, tiếng hát thật êm ả, tuy thỉnh thoảng vẫn điểm chút giận dữ như muốn níu kéo mặt trời lại. Nhưng mặt trời vẫn cương quyết tiến lên rất nhanh, để lộ ra những tia nắng vàng rượi, đẩy sức sống chiếu xuống mặt biển. Mặt biển sáng hẳn lên, vui vẻ đưa những đợt sóng nhẹ vào bờ cát vàng giòn. Khi đợt sóng nhẹ rút đi để lộ trên cát những vỏ ốc biển tro tro. Em áp vào tai nghe tiếng ốc biển hát. Có lẽ, biển đã trao lại cho ốc tiếng hát để những người nào xa quê hương vẫn còn nhớ mãi đến cảnh mặt trời mọc lúc này. Xa xa, hải âu bay ngang, là là đôi cánh như một nét điểm xuyết cho cảnh trí rục rờ này. Thuyền đánh cá từ ngoài khơi đang trở về. Mọi người nô nức chạy ra đón thuyền về. Già, trẻ, trai, gái,... ai nấy đều đi ra mua cá biển để ăn trong những tuần lễ dài trở trời, biển động. Các chú lái thuyền làn da rám nắng màu nâu bóng nhanh nhẹn bốc cá vào chậu. Mỗi người đi về đều đem theo những chậu đầy ắp cá, khuôn mặt ai cũng rạng rỡ và phấn khởi lắm. Thế mới biết cuộc sống ở đây thanh bình như thế nào. Họ quý trọng thiên nhiên, gìn giữ thiên nhiên nên mãi có được cảnh mặt trời mọc đẹp như hôm nay.

Thời gian cứ dần trôi qua, nhưng cảnh mặt trời mọc trên biển sẽ đọng lại trong tâm trí em mãi. Và khi nào mỏi mệt, em sẽ lại trở về với miền quê thanh bình này để tìm một sức sống mới.

(Trung Quân, Trường THCS Thái Thịnh)

Bài văn tham khảo 3

Vào dịp hè năm ngoái, tôi theo gia đình ra biển Sầm Sơn. Ngay hôm sau, tôi đã được ngắm nhìn cảnh bình minh trên biển.

Hôm đó, trời còn sớm lắm tôi đã ra ban công. Tôi nhớ lúc ấy gần năm giờ sáng. Biển vẫn còn mờ mờ. Chân trời bắt đầu rạng một màu trắng. Rồi những vệt hồng đã xuất hiện. Mặt trời lớn dần, cho đến khi thành một nửa quả trứng khổng lồ. Mặt biển lấp lánh những chiếc vảy màu hồng nhạt. Rồi như có phép lạ, mặt trời tròn to, nhô lên khỏi mặt biển. Lúc đấy, mặt trời đẹp quá! Mặt trời hội tụ tinh hoa của trái đất. Xa xa, có vài chiếc thuyền với cánh buồm màu nâu đen bạc phếch đang di chuyển từ từ vào bờ. Ra chỗ bãi cát, hàng ngàn con dã tràng đang chăm

chỉ xe cát, những hạt cát li ti được vo tròn để rồi sóng biển lại cuốn ra xa. Các con sóng như những đứa trẻ thơ chạy đi chạy lại. Trong khi sóng tiếp tục không biết mệt trò chơi chạy nhảy ấy thì mọi người tắm biển sớm đã có mặt rất đông trên bãi. Người ta ồn ào chạy xuống biển, cùng reo âm ỉ khi sóng nhảy qua đầu. Vui nhất là những đứa trẻ con chơi trò nhảy sóng.

Cảnh bình minh thật tráng lệ và rực rỡ làm tôi không thể nào quên. Ngắm nhìn cảnh đẹp đó làm tôi càng yêu mến quê hương, đất nước mình hơn.

(Thanh Huyền, Trường THCS Phương Mai)

Đề bài: Bằng đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu), hãy miêu tả một người bạn mà em yêu quý.

(Câu 2, Đề 27, phần Tự luận)

Đoạn văn tham khảo 1

Trong mỗi chúng ta, ai cũng có một người bạn thân. Cũng như mọi người, tôi có một người bạn tốt, luôn chia sẻ cùng tôi niềm vui nỗi buồn, đó là Hải Anh – người bạn tốt của tôi.

Là người bạn cùng trang lứa với tôi nhưng Hải Anh cao hơn tôi hẳn một cái đầu. Tuy cùng là con gái nhưng bạn không cầu kì về quần áo, bạn luôn chỉ mặc chiếc quần ka-ki xanh, cái áo trắng và đi đôi quai hậu đơn giản. Tất cả đều toát lên cái vẻ giản dị và hoạt bát của cô bạn này. Bạn có nước da ngăm ngăm, đôi mắt to, tròn và rất sáng, núp dưới hàng lông mày dày. Vầng trán cao ẩn chứa sự thông minh của bạn càng làm tăng vẻ sáng ngời, hoạt bát hơn. Đôi môi Hải Anh rất đỏ và tràn trề sức sống, lúc nào trên đôi môi đó cũng nở một nụ cười duyên dáng để lộ hàm răng khá đều và trắng. Hải Anh có mái tóc ngắn để ngang vai, thường trang điểm thêm cho mái tóc hai chiếc cặp mai xinh xinh. Trông bạn thật đáng yêu làm sao!

Từ những nét đó, ai cũng cảm nhận được sự gần gũi từ bạn ấy. Hải Anh cũng luôn giúp đỡ và yêu quý các bạn trong lớp, đặc biệt là tôi. Từ bao giờ, chúng tôi đã trở thành những cô bạn thân, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoạt động.

(Hà My, Trường THCS Thái Thịnh)

Đoạn văn tham khảo 2

Mái tóc màu hung phát phơ trong gió. Tiếng dép quẹt xuống đường, lững thững bước đi. Trông có vẻ đặc biệt. Không, đó chỉ là một cô bé bình thường – cô bạn của tôi.

Cô bạn thân nhất của tôi là Vân, cái tên cũng giản dị như con người bạn vậy. Vân có vóc dáng thấp bé nhưng người lại tròn trịa. Mái tóc của bạn thật đặc biệt, mái tóc màu hung hung, xoã ngang vai được buộc lên gọn gàng. Khuôn mặt bạn tròn trĩnh, sáng sủa, làn da bạn trắng hồng khỏe mạnh làm cho từ cặp mắt, cái mũi, cái miệng đều đẹp hơn. Đôi mắt của Vân nhỏ, hai con ngươi đen lay láy như hai hạt nhãn nấp sau hàng mi ngắn. Vân có chiếc mũi cao nhưng ngắn, trông thật nghịch ngợm, nhưng bù lại, bạn có đôi môi hồng, nhỏ nhắn, xinh xinh. Mỗi khi cười, bạn lại để lộ hàm răng nhỏ, trắng bóng, đẹp như đoá hoa.

Ánh nắng chiều nhạt dần, bóng dáng Vân cũng khuất sau hàng cây. Tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh Vân trong trái tim, nhớ mãi mái tóc hung, dáng người nhỏ nhắn và tiếng dép quẹt xuống đường mỗi chiều nào đó.

(Thanh Dung, Trường THCS Phương Mai)

Đề bài: Tả cánh đồng lúa hoặc dòng sông, đền, chùa,... ở quê hương em.

(Câu 2, Đề 29, phần Tự luận)

Bài văn tham khảo

Nhân dịp nghỉ hè, bố mẹ cho em về quê thăm bà. Quê em ở Hải Dương nên em được tận mắt ngắm nhìn cánh đồng lúa quê hương.

Chiều đến, em ra bờ đê ngồi hóng mát. Dưới gốc đa già, em lặng ngắm cánh đồng lúa quê hương. Từ bờ đê nhìn xuống, cánh đồng rộng bát ngát, ngút tầm mắt. Cả cánh đồng nhuộm một màu vàng óng. Gió khẽ luồn qua, làm lay động bông lúa. Cánh đồng nghiêng theo chiều gió, ngả về một phía đều đặn như một tấm thảm. Đường như cánh đồng đang dệt một tấm áo rực rỡ hơn cho mình. Nhìn kĩ hơn, em thấy những bông lúa mang trên mình những hạt lúa nặng trĩu, trông thật vất vả. Có vẻ như chúng đang cố gắng nũ giữ từng đứa con của mình để mang lại cho người nông dân vụ mùa bội thu. Ai nói thảo mộc tự nhiên không có tình yêu

thương? Dưới đồng, bao con người đang làm việc, từng chiếc nón trắng nhấp nhô, bóng áo chàm tan dần trong nắng chiều. Hình như tất cả mọi người đang tiếp sức cho lúa. Nhờ vậy, những bông lúa càng trở bông, trĩu hạt. Rồi mai đây, chúng sẽ cho người nông dân có cơm ăn, áo mặc. Tất cả đều vì cuộc sống cả mà! Một vài cánh cò trắng bay lượn trên cánh đồng. Nhịp nhàng, nhịp nhàng... Trông chúng như đang đi trên những đám mây xốp trắng. Em đưa mắt nhìn cả cánh đồng bên cạnh, có những ô mạ nhỏ, lốm bốm nước. Tuy vậy, các bác nông dân vẫn chăm chỉ, cần mẫn chăm sóc chúng. Trời tắt nắng. Em len qua con đường nhỏ ngăn giữa các ruộng để tận mắt ngắm nhìn những bông lúa. Chạm tay vào bông lúa, em cảm giác chúng vừa mượt, mềm lại vừa hơi khô. Những hạt lúa to, chắc mẩy vàng ươm. Đi trở lại trên đê, em theo chân các bác nông dân về làng. Trông gương mặt ai cũng vui tươi, phấn khởi gánh đầy lúa chín. Em chạy thật nhanh về nhà. Biết đâu nhà bà em cũng đầy những bó lúa như thế này!

Ở quê lâu ngày em cũng phải lên Hà Nội. Lúc đi, bà còn đưa cho mẹ gói quà quê. Chỉ là hộp bánh đậu xanh và dây bánh gai, nhưng nếm thử em lại cảm thấy mùi thơm của lúa chín. Chắc hẳn em sẽ không bao giờ quên được hương vị quê hương đậm đà tình thương như vậy.

(Mai Hoa, Trường THCS Phương Mai)

Mục lục

Lời nói đầu3

PHẦN MỘT: ĐỀ ÔN LUYỆN	Trang	PHẦN HAI: GỢI Ý - ĐÁP ÁN	Trang
Đề 1	5	Đề 1	81
Đề 2	7	Đề 2	82
Đề 3	9	Đề 3	83
Đề 4	11	Đề 4	84
Đề 5	13	Đề 5	85
Đề 6	15	Đề 6	86
Đề 7	17	Đề 7	87
Đề 8	19	Đề 8	87
Đề 9	21	Đề 9	88
Đề 10	23	Đề 10	90
Đề 11	25	Đề 11	91
Đề 12	27	Đề 12	92
Đề 13	29	Đề 13	93
Đề 14	31	Đề 14	94
Đề 15	33	Đề 15	96
Đề 16	35	Đề 16	97
Đề 17	37	Đề 17	98
Đề 18	39	Đề 18	99
Đề 19	42	Đề 19	100
Đề 20	44	Đề 20	102

Đề 21	46	Đề 21	103
Đề 22	48	Đề 22	104
Đề 23	50	Đề 23	105
Đề 24	52	Đề 24	106
Đề 25	54	Đề 25	107
Đề 26	56	Đề 26	107
Đề 27	58	Đề 27	108
Đề 28	61	Đề 28	109
Đề 29	63	Đề 29	110
Đề 30	65	Đề 30	111
Đề 31	67	Đề 31	112
Đề 32	69	Đề 32	113
Đề 33	72	Đề 33	114
Đề 34	74	Đề 34	114
Đề 35	76	Đề 35	115
Đề 36	78	Đề 36	117

PHẦN BA: MỘT SỐ BÀI VĂN (ĐOẠN VĂN) CỦA HỌC SINH	118
---	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH
Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập nội dung:

LÊ THỊ HỒNG NHUNG

Trình bày bìa:

PHAN HƯƠNG

Biên tập kỹ thuật:

NGUYỄN NAM THÀNH

Sửa bản in:

LÊ THỊ HỒNG NHUNG

Chế bản:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

36 ĐỀ ÔN LUYỆN NGŨ VĂN 6

Mã số: T6V77H2 - CPD

Số đăng ký KHXB: 341 - 2012/CXB/39 - 361/GD

In 3.000 bản (QĐ 33), khổ 17 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ
TT. Huế, 57 Bà Triệu - Huế. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2012.